**Ngày soạn: …. /…. /2021**

**TIẾT 1. BÀI 1. SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN**

**KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC**

**CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước: phát triển, đang phát triển, các nước công nghiệp mới (NICs).

- Trình bày được đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.

- Trình bày được tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại tới sự phát triển kinh tế: xuất hiện các ngành kinh tế mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành nền kinh tế tri thức.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**Không kiểm tra.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**HS hình dung được những nét chính sự phân chia thế giới thành các nhóm nước.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

|  |
| --- |
| Trên thế giới hiện nay có>200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có sự khác nhau về tự nhiên, dân cư, trình độ phát triển KT. Vì sự khác biệt đó mà người ta phân chia thành các nhóm nước: Phát triển và đang phát triển |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết cá nhân hãy tìm hiểu nguyên phân chia thế giới thành các nhóm nước?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về sự phân chia thế giới thành các nhóm nước**

**a) Mục tiêu:**Biết được cách phân chia và các tiêu chí phân chia các nhóm nước trên thế giới.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **I. Sự phân chia thành các nhóm nước**  - Các nước có sự khác nhau về đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội, trình độ phát triển kinh tế. Dựa vào trình độ phát triển KT - XH, các nước được xếp thành hai nhóm: Nhóm nước phát triển, nước đang phát triển.  - Sự tương phản giữa hai nhóm nước thể hiện ở các mặt:  + Đặc điểm phát triển DS  + Các chỉ XH(HDI…)  + Cơ cấu GDP phân theo khu vực KT  + Tổng GDP và bình quân GDP/người  - Nước công nghiệp mới (NICs): Nước đạt được trình độ phát triển nhất định về CN. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Lấy VD và phân biệt rõ sự khác nhau giữa 2 nhóm nước.

+ Nhóm 2, 4: Dựa vào Hình 1.1, nhận xét sự phân bố các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới theo mức GDP bình quân đầu người (USD/ng)?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về sự tương phản về trình độ phát triển KT - XH**

**của hai nhóm nước**

**a) Mục tiêu:**Nhận biết được sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước: phát triển, đang phát triển, các nước công nghiệp mới (NICs).

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **II. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước.**  **1. Về kinh tế:**  a. GDP bình quân theo đầu người: Nước phát triển ở mức cao, nước NICs ở mức khá cao, nước đang phát triển ở mức thấp  b. Về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế: Các nước phát triển KVIII chiếm tỉ trọng lớn nhất (71% - 2004), KVI chiếm tỉ trọng thấp nhất (2% - 2004). Các nước đang phát triển đang cố sự chuyển dịch theo hướng tích cực(giảm tỉ trọng KVI, tăng tỉ trọng KVII, KVIII) nhưng KVI hiện vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP(25% - 2004).  **2. Về một số vấn đề xã hội:**  a. Tuổi thọ trung bình.  - Các nước phát triển có TTTB cao hơn TTTB của TG và cao hơn nhiều so với TTTB của các nước đang phát triển.  - Các nước đang phát triển có TTTB thấp (65t - 2005).  b. Chỉ số HDI.  - Các nước phát triển có chỉ số HDI cao hơn mức TB của TG và cao hơn nhiều so với các nước đang phát triển.  - Các nước đang phát triển có chỉ số HDI thấp hơn mức TB của TG, thấp hơn nhiều so với các nước phát triển.  - Nước có GDP/ng cao nhất TG (công bố 7/2016):  1.Quatar (146000USD/ng/n)  2. Luxambua  3. Singapo (DV phát triển)  4. Brunay (giàu dầu mỏ)  .....  10. Hoa Kỳ  VN: 1960 USD/ng/2013  + Nước có tuổi thọ trung bình cao nhất thế giới công bố mới đây:  Monaco (89,5 tuổi), Macao, Nhật Bản, Ailen, Pháp, Úc và niudilan, Ý, Scandinavi, Xingapo... Cộng hòa Chad thấp nhất (49,81 tuổi).  Toàn thế giới: 71,4 tuổi (2015)  + Tuổi thọ trung bình của VN là: 75,6 tuổi (2015)  + Các nước có HDI cao nhất (2013): Nauy, Úc, Thụy Sĩ, Đức... (VN: 0,638 đứng thứ 115/ vào loại TB trên TG) |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: So sánh sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế giữa nhóm nước phát triển, nước đang phát triển?

+ Nhóm 2, 5: So sánh sự tương phản về một số khía cạnh xã hội giữa nhóm nước phát triển, nước đang phát triển?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về tác động và ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại**

**a) Mục tiêu:**HS hiểu được tác động của cuộc cách mạng KH&CN hiện đại.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **III. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.**  **1. Thời điểm xuất hiện và đặc trưng:**  - Cuộc cách mạng KH&CN hiện đại diễn ra vào cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI.  - Đặc trưng là làm xuất hiện và bùng nổ công nghệ cao.  - Có 4 công nghệ trụ cột: CNSH, CN vật liệu, CN năng lương và CNTT.  + Tạo ra những giống mới,tạo ra những bước tiến quan trọng trong chuẩn đoán và điều trị bệnh….  + CN vật liệu: Tạo ra những vật liệu chuyên dụng mới như vật liệu composit, vật liệu siêu dẫn.  + CN năng lượng: phát triển theo hướng tăng cường SD các dạng năng lượng hạt nhân, mặt trời, sinh học, địa nhiệt, gió.  + CNTT: Hướng vào SD vi mạch,chíp điện tử có tốc độ cao, công nghẹ lade, cáp sợi quang, truyền thông đa phương tiện, siêu lộ cao tốc thông tin.  **2. Tác động của cuộc cách mạng khoa học và cụng nghệ hiện đại tới nền kinh tế - xó hội thế giới.**  - Xuất hiện nhiều ngành CN mới, có hàm lượng KT cao: SX phần mềm, công nghệ gen; các ngành DV cần nhiều tri thức: Bảo hiểm, viễn thông…  - Cơ cấu KT chuyển đổi theo hướng: Tăng tỉ trọng của DV, giảm tỉ trọng của CN và nông nghiệp  - Xuất hiện nền kinh tế tri thức.  + KT tri thức là loại hình KT mới dựa trên tri thức,kĩ thuật,công nghệ cao.  + Một số ngành DV cần nhiều tri thức: Kiến trúc, điều tra, thăm dò, ngân hàng, máy tính và các dv liên quan tới CNTT, thông tấn, báo chí, makettinh, quảng cáo, bất động sản.... |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Thế giới đã diễn ra các cuộc cách mạng khoa học và kĩ thuật nào? Nêu một số thành tựu do 4 công nghệ trụ cột tạo ra?

+ Nhóm 2, 4: Cuôc cách mạng KH&CN hiện đại có tác động như thế nào đến nền nền KT - XH thế giới?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là xuất hiện và phát triển nhanh chóng

**A.** công nghiệp điện tử. **B.** công nghiệp dệt may.

**C.**công nghệ cao. **D.** công nghiệp cơ khí.

**Câu 2:** Một số nước và vùng lãnh thổ đã trải qua quá trình công nghiệp hóa và đạt được trình độ nhất định về công nghiệp gọi chung là các nước

**A.**công nghiệp mới. **B.** phát triển.

**C.** công nghiệp. **D.** đang phát triển.

**Câu 3:** Chưa hoàn thành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có cơ cấu kinh tế còn lạc hậu là nhóm nước

**A.**đang phát triển. **B.** công nghiệp mới.

**C.** công nghiệp. **D.** phát triển.

**Câu 4:** Nghiên cứu sử dụng các vi mạch, chíp điện tử có tốc độ cao, kĩ thuật số hóa thuộc lĩnh vực công nghệ nào dưới đây?

**A.** Sinh học. **B.** Vật liệu.

**C.** Năng lượng. **D.**Thông tin.

**Câu 5:** Châu lục có huổi thọ trung bình của người dân thấp nhất thế giới là

**A.** Châu Âu. **B.** Châu Á.

**C.** Châu Mĩ. **D.**Châu Phi.

**Câu 6:** Ngành công nghiệp nào sau đây là tiền đề của tiến bộ khoa học - kĩ thuật?

**A.** Điện tử. **B.**Năng lượng.

**C.** Dệt - may. **D.** Thực phẩm.

**Câu 7:** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhóm nước phát triển với đang phát triển là

**A.** thành phần dân tộc và tôn giáo. **B.** quy mô và cơ cấu dân số.

**C.**trình độ khoa học - kĩ thuật. **D.** nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 8:** Ngành thu hút nhiều lao động và đóng góp phần lớn cho thu nhập quốc dân ở các nước phát triển là

**A.**dịch vụ. **B.** công nghiệp.

**C.** nông nghiệp. **D.** giao thông vận tải.

**Câu 9:** Trong các công nghệ trụ cột sau, công nghệ nào giúp cho các nước dễ dàng liên kết với nhau hơn?

**A.** Công nghệ năng lượng. **B.**Công nghệ thông tin.

**C.** Công nghệ sinh học. **D.** Công nghệ vật liệu.

**Câu 10:** Ở các nước phát triển, nông nghiệp là loại hình sản xuất mang đặc điểm

**A.** sử dụng ít lao động nhưng có tỉ lệ đóng góp vào GDP cao.

**B.** sử dụng nhiều lao động và có tỉ lệ đóng góp vào GDP cao.

**C.**sử dụng ít lao động và có tỉ lệ đóng góp vào GDP nhỏ.

**D.** sử dụng nhiều lao động nhưng có tỉ đóng góp vào GDP nhỏ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để giải thích nguyên nhân sự phát triển và tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Vì sao cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra và tác động chủ yếu ở các nước có nền kinh tế phát triển?

\* Trả lời câu hỏi:

- Các nước này sớm tiến hành CNH nên có những tiềm năng kinh tế và nghiên cứu khoa học kĩ thuật.

- Có khả năng đầu tư những nguồn kinh phí lớn cho việc nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất, nhằm nâng cao năng suất lao động.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

+ Câu hỏi 1: Trình bày những nét tương phản về trình dộ phát triển KT - XH của các nhóm nước?

+ Câu hỏi 2: Nêu đặc trưng và tác động của cuộc cách mạng KH và CN hiện đại.

+ Câu hỏi 3: Bài tập 3 (SGK).

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 2: Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 2. BÀI 2. XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá.

- Trình bày được hệ quả của toàn cầu hoá.

- Trình bày được biểu hiện của khu vực hóa kinh tế.

- Biết được lý do hình thành các tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**

- Câu hỏi 1: Nêu đặc trưng và tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến nền kinh tế thế giới?

- Câu hỏi 2: Nêu một số thành tựu do bốn công nghệ trụ cột tạo ra?

\* Đáp án:

- Câu hỏi 1:

+ Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại:

>Diễn ra vào cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI.

>Đặc trưng là sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng công nghệ cao. Đây là các công nghệ dựa vào những thành tựu khoa học mới, với hàm lượng tri thức cao.

>Bốn công nghệ trụ cột, có tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến phát triển kinh tế - xã hội là: công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng, công nghệ thông tin.

+ Tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại:

>Làm xuất hiện nhiều ngành mới, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, tạo ra những bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ.

>Tác động ngày càng sâu sắc, làm cho nền kinh tế thế giới chuyển dần từ nền kinh tế công nghiệp sang một loại hình kinh tế mới, dựa trên tri thức, kĩ thuật, công nghệ cao, được gọi là nền kinh tế tri thức.

- Câu hỏi 2:

**+** Công nghệ sinh học: làm phong phú giới sinh vật, hạn chế nguy cơ tuyệt chủng, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

+ Công nghệ năng lượng: giảm nguy cơ cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.

+ Công nghệ vật liệu: tăng tuổi thọ công trình, giảm nguy cơ cạn kiệt tài nguyên.

+ Công nghệ thông tin: Nâng cao năng lực con người truyền tải và lưu giữ thông tin.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**Giúp cho HS gợi nhớ lại các tổ chức khu vực và quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Rèn luyện kĩ năng phân tích, suy luận để thấy được tầm quan trọng của việc tham gia các liên kết trên thế giới. Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học choHS.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV yêu cầu HS dựa vào hiểu biết cá nhân và kiến thức đã học hãy cho biết hiện nay Việt Nam là thành viên của các tổ chức kinh tế nào? Vì sao chúng ta phải tham gia vào các tổ chức kinh tế đó?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về xu hướng toàn cầu hoá kinh tế**

**a) Mục tiêu:**HS trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **I. Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế.**  Toàn cầu hoá là quá trình liên kết các quốc qia trên thế giới về nhiều mặt từ kinh tế đến văn hoá, khoa học. Trong đó toàn cầu hoá kinh tế có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền KT - XH thế giới.  **1. Những biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế.**  **a. Thương mại thế giới phát triển mạnh.**  - Tốc độ gia tăng trao đổi hàng hoá trên thế giới nhanh hơn nhiều so với gia tăng GDP  - Trong sự phát triển của thương mại thế giới có vai trò quan trọng của WTO.  **b. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh.**  - Từ 1990 đến 2004 đầu tư nước ngoài tăng từ 1774tỉ USD lên 8895 tỉ USD (Tăng>5 lần).  - Trong đó DV chiếm tỉ trọng ngày càng lớn đặc biệt là các DV nhiều kiến thức.  **c. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.**  - Nhiều ngân hnàg của các nước trên thế giới được liên kết với nhau  - Các tổ chức tài chính quốc tế được hình thành như: IMF, WB, ADB có vai trò quan trọng trong sự phát triển nền KT toàn cầu và trong đời sống KT - XH của các quốc gia.  **d. Các công ti xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn.**  - Các công ti xuyên quốc gia có:  + Phạm vi hoạt động rộng, trên nhiều quốc gia.  + Nắm nguồn của cải vật chất lớn.  + Chi phối nhiều ngành KT quan trọng.  **2. Hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.**  **a. Tích cực:**  - Thúc đẩy SX phát triển và tăng trưởng KT toàn cầu.  - Đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học công nghệ, tăng cường sự hợp tác quốc tế.  **b. Tiêu cực**: Làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Tìm hiểu về biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế.

+ Nhóm 2, 4: Tìm hiểu về hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về xu hướng khu vực hoá kinh tế**

**a) Mục tiêu:**HS trình bày được các biểu hiện, khu vực hóa kinh tế, biết được nguyên nhân hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực và nắm được một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **II. Xu hướng khu vực hoá kinh tế.**  **1. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực.**  \* Cơ sở hình thành các tổ chức liên kết KT khu vực:  Do sự phát triển không đều và sức ép cạnh tranh giữa các KV trờn TG, những quốc gia có những nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi íchphát triển đó liên kết thành các tổ chức kinh tế đặc thù.  \* Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực: Bảng 2  **2. Hệ quả của khu vực hoá kinh tế.**  **a. Tích cực:**  - Thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, tự do hoá thương mại.  - Mở rộng thị trường, đẩy nhanh quá trình toàn cầu hoá kinh tế thế giới.  **b. Tiêu cực:** Tạo ra những thách thức về đảm bảo quyền độc lập, tự chủ về kinh tế và chính trị. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS Dựa vào bảng 2 so sánh số dân và GDP của các tổ chức liên kết KT khu vực. Rút ra nhận xét?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Tổ chức thương mại thế giới WTO ra đời có vai trò lớn trong việc

**A.**thúc đẩy tự do hóa thương mại.

**B.** thúc đẩy hoạt động liên kết vùng.

**C.** gắn kết hoạt động tín dụng quốc tế.

**D.** tăng trưởng dịch vụ viễn thông.

**Câu 2:** Hậu quả của quá trình toàn cầu hóa kinh tế là

**A.**gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo.

**B.** thúc đẩy sản xuất thế giới phát triển.

**C.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

**D.** tăng cường sự hợp tác quốc tế.

**Câu 3:** Quá trình toàn cầu hóa gây ra thách thức nào đối với các nước đang phát triển?

**A.** Hàng rào thuế quan bị bãi bỏ.

**B.**Gây áp lực nặng nề đối với tự nhiên.

**C.** Đón đầu được công nghệ hiện đại.

**D.** Tạo điều kiện chuyển giao khoa học công nghệ.

**Câu 4:** Muốn có sức cạnh tranh kinh tế mạnh các nước đang phát triển cần phải

**A.** bãi bỏ hàng rào thuế quan hoặc giảm xuống.

**B.**làm chủ được các ngành công nghệ mũi nhọn.

**C.** nhanh chóng đón đầu được công nghệ hiện đại.

**D.** thực hiện chủ trương đa phương hóa quan hệ quốc.

**Câu 5:** Toàn cầu hóa kinh tế **không** có biểu hiện nào sau đây?

**A.** Thương mại quốc tế phát triển mạnh.

**B.** Đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh.

**C.**Các tổ chức liên kết khu vực ra đời.

**D.** Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.

**Câu 6:** Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực vừa hợp tác, vừa cạnh tranh không phải để

**A.** thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

**B.** tăng cường đầu tư dịch vụ giữa các khu vực.

**C.**hạn chế khả năng tự do hóa thương mại.

**D.** bảo vệ lợi ích kinh tế các nước thành viên.

**Câu 7:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với các công ty xuyên quốc gia?

**A.**Khai thác nền kinh tế các nước thuộc địa.

**B.** Có nguồn của cải vật chất lớn.

**C.** Chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng.

**D.** Phạm vi hoạt động ở nhiều quốc gia.

**Câu 8:** Xu hướng khu vực hóa đặt ra một trong những vấn đề đòi hỏi các quốc gia phải quan tâm giải quyết là

**A.**Tự chủ về kinh tế.

**B.** Nhu cầu đi lại giữa các nước.

**C.** Thị trường tiêu thụ sản phẩm.

**D.** Khai thác và sử dụng tài nguyên.

**Câu 9:** Các nước đang phát triển phụ thuộc vào các nước phát triển ngày càng nhiều về

**A.** thị trường. **B.** lao động.

**C.**vốn, khoa học kĩ thuật - công nghệ. **D.** nguyên liệu.

**Câu 10:** Hệ quả quan trọng nhất của toàn cầu hóa kinh tế là

**A.** đẩy nhanh đầu tư. **B.** hợp tác quốc tế.

**C.** tăng trưởng kinh tế. **D.**thúc đẩy sản xuất.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để so sánh giữa toàn cầu hóa và quốc tế hóa.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Toàn cầu hóa khác với quốc tế hóa như thế nào?

\* Hướng dẫn trả lời:

- Toàn cầu hóa là giai đoạn mới, giai đoạn phát triển cao của quốc tế hóa.

- Khác với quốc tế hóa, toàn cầu hóa làm cho mối liên hệ giữa các quốc gia, dân tộc tăng lên cả bề rộng và chiều sâu; phạm vi, quy mô quan hệ mở rộng ra toàn cầu, bao quát nhiều lĩnh vực khác nhau, đến mọi quốc gia, khu vực trên thế giới.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Trình bày những hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế? Tại sao toàn cầu hóa kinh tế làm gia tăng khoảng cách giàu, nghèo?

- Cho biết cơ sở hình thành các tổ chức liên kết kinh tế KV?

- Phân tích hệ quả của khu vực hóa kinh tế?

- Chuẩn bị bài mới: Thu thập các thông tin để viết báo cáo ngắn về những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển nói chung và VN nói riêng.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 3. BÀI 4. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HOÁ ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển.

**- Tích hợp GD bảo vệ môi trường (liên hệ)**

**- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (mục I)**

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**

- Câu hỏi: Chứng minh rằng trên thế giới sự bùng nổ DS diễn ra chủ yếu ở nhóm nước đang phát triển và sự già hoá DS diễn ra chủ yếu ở nhóm nước phát triển?

Đáp án:

\* Bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển:

- Các nước đang phát triển chiếm khoảng 80% dân số và 95% số dân gia tăng hằng năm của thế giới.

- Bùng nổ dân số diễn ra ở nửa sau thế kỉ XX:

+ Giai đoạn 1960 - 1965 tỉ lệ gia tăng tự nhiên của các nước đang phát triển lên tới 2,3%, giai đoạn 1975 - 1990 con số này giảm xuống tuy nhiên vẫn ở mức cao (1,9%).

+ Trong khi đó, các nước phát triển có tỉ lệ gia tăng tự nhiên ở mức cao nhất là 1,2% và các giai đoạn sau luôn ở mức < 1%.

\* Già hóa dân số ở các nước phát triển:

- Nhóm trẻ em 0 - 14 tuổi chỉ chiếm 17%, trong khi nhóm tuổi trên 65 đã chiếm tới 15%, nhóm tuổi trong độ tuổi lao động cũng rất lớn với 68%.

- Ngược lại ở các nước đang phát triển số trẻ em rất lớn (32 %), trong khi người già chỉ chiếm 5% trong cơ cấu.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nêu đúng yêu cầu của bài thực hành.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Viết báo cáo những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển**

**a) Mục tiêu:**HS hiểu được những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**1. Những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nươc đang phát triển.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các thông tin** | **Cơ hội** | **Thách thức** |
| 1  2  3  4  5  6  7 | 1  5  6  7 | 2  3  4 |

**2. Trình bày báo cáo**

**-** Tên báo cáo: Những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển nói chung, đối với Việt Nam nói riêng.

- Nội dung ngắn gọn (15 đến 20 dòng) và phải có VD minh hoạ, phân tích làm rõ. Có liên hệ với VN **(đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường, vấn đề sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả).**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Câu hỏi: Các nhóm đọc thông tin SGK, sắp xếp thành 2 mảng: Cơ hội và thách thức theo mẫu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các thông tin** | **Cơ hội** | **Thách thức** |
|  |  |  |

Yêu cầu trên cơ sở phân tích các cơ hội thách thức các nhóm viết một bài báo cáo ngắn không quá 20 dòng với chủ đề: Những cơ hội thách thức của toàn cầu hóa đối với nhóm nước đang phát triển. Ở mỗi vấn đề cho ví dụ minh họa.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Biểu hiện của thị trường tài chính quốc tế được mở rộng là

**A.** triệt tiêu các ngân hàng nhỏ.

**B.** sự sát nhập cuả các ngân hàng lại với nhau.

**C.** sự kết nối giữa các ngân hàng lớn với nhau.

**D.**nhiều ngân hàng được nối với nhau qua mạng viễn thông điện tử.

**Câu 2:** Các công ty đa quốc gia có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Số lượng có xu hướng ngày càng giảm.

**B.**Nắm trong tay nguồn của cải vật chất rất lớn.

**C.** Chi phối hoạt động chính trị của nhiều nước.

**D.** Phạm vi hoạt động chỉ trong một khu vực.

**Câu 3:** Động lực thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của các tổ chức liên kết kinh tế khu vực là

**A.** tạo lập được một thị trường chung rộng lớn.

**B.** sự tự do hoá thương mại giữa các nước thành viên.

**C.** sự tự do hoá đầu tư dịch vụ trong phạm vi khu vực.

**D.**sự hợp tác, cạnh tranh giữa các nước thành viên.

**Câu 4:** Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên thế giới được hình thành chủ yếu do nguyên nhân nào dưới đây?

**A.** Các nước có nét tương đồng về lịch sử phát triển.

**B.**Chịu sức ép cạnh tranh và có sự phát triển không đều.

**C.** Các quốc gia có chung mục tiêu và lợi ích phát triển.

**D.** Tổng thu nhập quốc dân tương tự nhau giữa các quốc gia.

**Câu 5:** Sự kiện quốc tế nào diễn ra tại TP Đà Nẵng vào tháng 11/2017?

**A.**Tuần lễ cấp cao APE**C.** **B.** Hội nghị bộ trưởng ASEAN.

**C.** Cuộc thi hoa hậu toàn cầu. **D.** Đại hội thể thao Đông Nam Á.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**Giúp HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để giải thích được những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam khi mở cửa hội nhập.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn khi mở cửa hội nhập?

\* Hướng dẫn trả lời:

- Thuận lợi:

+ Vị trí thuận lợi để giao lưu kinh tế, văn hóa với các nước.

+ Điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên phong phú.

+ Có lực lượng lao động dồi dào, chất lượng lao động ngày càng tăng.

+ Đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao với các nước.

- Khó khăn:

+ Xuất phát điểm thấp: Thiếu vốn, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, lại chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh.

+ Thu nhập bình quân dầu người thấp.

+ Sức ép về dân số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Hoàn thiện bài báo cáo vào vở thực hành.

- Chuẩn bị bài mới:

+ Giải thích được hiện tượng bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển, già hoá dân số ở các nước phát triển

+ Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm của từng loại môi trường (MT không khí, MT nước) và sự suy giảm đa dạng sinh học.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 4 + 5. CHỦ ĐỀ: MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU**

**(Thời lượng: 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết và giải thích được đặc điểm dân số của thế giới, của nhóm nước phát triển, nhóm nước đang phát triển và hệ quả của nó.

- Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân của ô nhiễm môi trường; phân tích được hậu quả của ô nhiễm môi trường; nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và đưa ra các giải pháp.

- Hiểu được nguy cơ chiến tranh và sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.

**- Tích hợp GD Dân số và môi trường.**

**- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**Kết hợp kiểm tra trong khi dạy chủ đề.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**HS hiểu và nhận biết một số vấn đề mang tính toàn cầu.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu một số hình ảnh về một số vấn đề mang tính toàn cầu cho HS quan sát (dân số, môi trường, khủng bố, đói nghèo…) sau đó đặt câu hỏi: Em hiểu thế nào là vấn đề mang tính toàn cầu?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về vấn đề dân số**

**a) Mục tiêu:**HS hiểu biểu hiện, hậu quả của việc bùng nổ dân số, biết các biện pháp hạn chế gia tăng dân số.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **I. Vấn đề dân số**  **1. Bùng bổ dân số**  **a. Biểu hiện**  - Dân số thế giới tăng nhanh, đặc biệt vào nửa cuối thế kỉ XX ⇒ bùng nổ dân số  năm 2005: dân số TG là 6477 triệu người; năm 2013: 7137 triệu người  - Bùng nổ dân số diễn ra chủ yếu ở các nước đang phát triển: Các nước đang phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao hơn nhiều các nước phát triển và toàn TG  **b. Hậu quả** (tích hợp GD Dân số và môi trường)  Dân số tăng nhanh sẽ gây sức ép lớn đối với kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường (tích lũy nền kinh tế, việc làm, cạn kiệt tài nguyên…)  **c. Biện pháp:** Hạn chế sự gia tăng dân số bằng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.  **2. Già hóa dân số**  **a. Biểu hiện**  - Dân số thế giới đang già đi, tuổi thọ trung bình và tỉ lệ người già ngày càng tăng.  - Sự già hoá dân số chủ yếu ở nhóm nước phát triển.  **b. Hậu quả**  - Thiếu hụt lực lượng lao động.  - Chi phí phúc lợi xã hội lớn cho người già  **c. Biện pháp:**  - Khuyến khích sinh đẻ.  - Có chính sách nhập cư phù hợp. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1: Chứng minh dân số thế giới có sự tăng nhanh.?

+ Câu hỏi 2: Dựa vào bảng sau, so sánh tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nhóm nước đang phát triển với nhóm nước phát triển và TG?

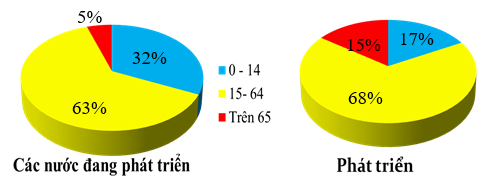
Bảng 3. 1 Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên trung bình năm đơn vị (%)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1960 - 1965** | **1975 - 1980** | **1985 - 1990** | **1995 - 2000** | **2001 - 2005** |
| Phát triển | 1, 2 | 0, 8 | 0, 6 | 0, 2 | 0, 1 |
| Đang phát triển | 2, 3 | 1, 9 | 1, 9 | 1, 7 | 1, 5 |
| Thế giới | 1, 9 | 1, 6 | 1, 6 | 1, 4 | 1, 2 |

+ Câu hỏi 3: Nêu hậu quả sự bùng nổ dân số dựa vào những hình ảnh sau và đề xuất các giải pháp.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

+ Câu hỏi 4: Dựa vào hiểu biết nêu hậu quả sự già hóa dân số. Đề xuất các giải pháp? Dựa vào BĐ so sánh cơ cấu dân số giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển?



**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 10 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

\* Kết luận chung: Bùng nổ dân số diễn ra chủ yếu ở các nước đang phát triển, Già hóa dân số diễn ra chủ yếu ở các nước phát triển.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về vấn đề xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo,**

**nạn khủng bố và một số vấn đề khác**

**a) Mục tiêu:**HS hiểu những biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố và một số vấn đề khác. Biết các giải pháp nhằm hạn chế những vấn đề nêu trên.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**II. Các vấn đề xã hội khác**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Biểu hiện** | **Nguyên nhân** | **Hậu quả** | **Giải pháp** |
| Xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo và nạn khủng bố | - Xuất hiện ở nhiều nơi.  - Nhiều cách thức khác nhau.  - Mức độ nguy hiểm ngày càng cao. | - Do mâu thuẫn, tranh giành quyền lợi.  - Do hoạt động của các tổ chức tôn giáo, chính trị cực đoan. | Đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình thế giới | Các quốc gia cũng như toàn thế giới phải hợp tác tích cực để chống khủng bố |
| Kể tên một số vấn đề mang tính toàn cầu khác: Hoạt động kinh tế ngầm (buôn lậu vũ khí, rửa tiền…), tội phạm liên quan đến sản xuất, vận chuyển, buôn bán ma túy… | | | | |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để hoàn thành phiếu học tập:

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Biểu hiện** | **Nguyên nhân** | **Hậu quả** | **Giải pháp** |
| Xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo và nạn khủng bố |  |  |  |  |
| Kể tên một số vấn đề mang tính toàn cầu khác | | | | |

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về vấn đề môi trường**

**(Sử dụng phương pháp dạy học dự án)**

**a) Mục tiêu:**HS hiểu những hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề môi trường. Biết các giải pháp bảo vệ môi trường.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**III. Vấn đề môi trường**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề môi trường** | **Hiện trạng** | **Nguyên nhân** | **Hậu quả** | **Giải pháp** |
| **1. Biến đổi khí hậu toàn cầu**  **và suy giảm tầng ôzôn** | - Trái Đất nóng lên.  - Mưa axit. | Lượng CO2 gây hiệu ứng nhà kính và các khí thải khác trong khí quyển tăng (Sản xuất CN, GTVT, sinh hoạt…) | - Băng tan⇒Mực nước biển dâng gây ngập lụt nhiều nơi.  - Thời tiết, khí hậu thất thường, thiên tai thường xuyên… | - Giảm lượng CO2 trong sản xuất và sinh hoạt.  - Trồng và bảo vệ rừng… |
| Tầng ôzôn bị mỏng dần và lỗ thủng ngày càng lớn. | Các chất khí CFCs trong sản xuất công nghiệp, sinh hoạt. | Ảnh hưởng đến sức khoẻ, mùa màng, sinh vật. | - Cắt giảm lượng CFCS trong sản xuất và sinh hoạt.  - Trồng nhiều cây xanh. |
| **2. Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương** | Ở nhiều nơi, nguồn nước ngọt, nước biển đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. | - Chất thải từ sản xuất, sinh hoạt chưa qua xử lí.  - Tràn dầu, rửa tàu, đắm tàu trên biển. | - Thiếu nguồn nước ngọt, nước sạch.  - Ảnh hưởng đến sức khoẻ con người.  - Môi trường biển và đại dương bị tổn thất nghiêm trọng. | - Xử lí chất thải trước khi thải ra.  - Đảm bảo an toàn khai thác dầu và hàng hải. |
| **3. Suy giảm đa dạng sinh học** | Nhiều loài sinh vật bị tuyệt chủng hoặc đứng trước nguy cơ diệt chủng. | - Khai thác thiên nhiên quá mức.  - Do ô nhiễm môi trường. | - Mất đi nhiều loài sinh vật, nguồn gen quý, nguồn thực phẩm, nguồn thuốc chữa bệnh, nguồn nguyên liệu…  - Mất cân bằng sinh thái. | - Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, các vườn quốc gia.  - Thực hiện luật bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên sinh vật... |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** (thực hiện ở tiết 1 của chủ đề):

- GV chia lớp thành 6 nhóm. Các nhóm họp, bầu ra nhóm trưởng, thư kí.

- GV và học sinh cùng thảo luận, thống nhất chọn nội dung thực hiện dự án trên cơ sở hai nhóm thực hiện cùng một chủ đề. Kết quả thống nhất phân công nhiệm vụ như sau (phần này do GV ghi vào giáo án khi đã thống nhất cùng học sinh):

+ Nhóm 1, 2: Tìm hiểu vấn đề biến đổi khí hậu và suy giảm tầng ô dôn.

+ Nhóm 3, 4: Tìm hiểu vấn đề Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương.

+ Nhóm 5, 6: Tìm hiểu vấn đề suy giảm đa dạng sinh vật.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: (các nhóm thực hiện dự án trong thời gian 1 tuần, có thể tại lớp, ở nhà...). GV hướng dẫn HS thực hiện các công việc sau:

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện: xây dựng đề cương, kế hoạch thực hiện dự án, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.

+ Thực hiện dự án: các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Thời gian thực hiện là 1 tuần.

+ Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo, sơ đồ tư duy, bảng phụ, tranh ảnh, tiểu phẩm…

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ Trước khi các nhóm báo cáo dự án của mình, GV cho khoảng thời gian từ 1 - 2 phút để các nhóm kiểm tra lại, chỉnh sửa (nếu cần) dự án của nhóm mình.

+ Đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả của nhóm mình: GV gọi đại diện nhóm 2, 4, 6 lên báo cáo. Từng nhóm báo cáo xong, các nhóm khác và cả lớp nhận xét, bổ sung, hoàn thành nội dung vào phiếu học tập cá nhân.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc và kết quả hoạt động của các nhóm, cung cấp bảng thông tin phản hồi, hướng dẫn học sinh đánh giá kết của của các nhóm và cho điểm ưu tiên vào phiếu đánh giá thường xuyên (theo thang điểm ưu tiên: “ + + + + ”; “ + + + ”; “ + + ”)

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1.** Vấn đề dân số cần giải quyết ở các nước đang phát triển hiện nay là

**A.** bùng nổ dân số. **B.** già hoá dân số.

**C.** tỉ lệ dân thành thị cao. **D.** phân hoá giàu nghèo rõ nét.

**Câu 2.** Nguyên nhân chủ yếu gây nên sự suy giảm tầng ô dôn của trái đất là chất khí

**A.** CFCs **B.** NO2 **C.** CO2 **D.** CH4

**Câu 3.** Nguyên nhân chủ yếu gây nên hiệu ứng nhà kính trên toàn thế giới là chất khí

**A.** CFCS **B.** NO2 **C.** CO2 **D.** CH4

**Câu 4.** Điều cực kỳ nguy hiểm hiện nay mà các phần tử khủng bố đang thực hiện trên phạm vi toàn cầu là

**A.** tần suất thực hiện ngày càng lớn.

**B.** phương thức thức hoạt động đa dạng.

**C.** gây hậu quả và thương vong ngày càng lớn.

**D.** lợi dụng thành tựu của khoa học và công nghệ để thực hiện

**Câu 5.** Lượng khí thải đưa vào khí quyển ngày càng tăng chủ yếu là do

**A.** con người sử dụng nhiều nhiên liệu hóa thạch.

**B.** các nhà máy, xí nghiệp ngày càng nhiều.

**C.** các phương tiện giao thông ngày càng nhiều.

**D.** hiện tượng cháy rừng ngày càng nhiều.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**Giúp HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để lấy được các ví dụ về biểu hiện của vấn đề mang tính toàn cầu tại Việt Nam.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Giải thích câu nói: trong bảo vệ môi trường, cần phải “tư duy toàn cầu, hành động địa phương”.

\* Trả lời câu hỏi:

- Tư duy toàn cầu: nghĩa là môi trường trên Trái Đất là một thể thống nhất, có tác động và ảnh hưởng đến nhau mạnh mẽ. Vì vậy, việc bảo vệ môi trường không đơn giản chỉ là bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống, mà còn góp phần lớn trong bảo vệ Trái Đất. Ngược lại khi xả thải vào môi trường, điều đó không chỉ làm hư hại khu vực mình sinh sống, về lâu dài sẽ lan rộng và ảnh hưởng đến cả khu vực lớn xung quanh, nguy hiểm hơn là cả một lãnh thổ, quốc gia.

- Hành động địa phương:

+ Bảo vệ môi trường là vấn đề mang tính toàn cầu, không phải của riêng ai, của riêng quốc gia nào. Vì vậy cần thiết có sự chung tay của tất cả mọi người trên Trái Đất.

+ Điều đó đồng nghĩa rằng, mỗi người chúng ta là những công dân toàn cầu, chúng ta cần có ý thức hành động từ những việc nhỏ trong cuộc sống của mình: đổ rác đúng nơi quy định, phân loại rác, tắt điện trước khi ra ngoài, sử dụng tiết kiệm nước, đi xe bus….

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Tổng kết chủ đề, củng cố, dặn dò:**

**a. Tổng kết chủ đề:**

- GV nhận xét, đánh giá về việc thực hiện chủ đề: những ưu điểm và hạn chế chủ yếu cần rút kinh nghiệm.

**b. Củng cố, dặn dò:**

- GV củng cố, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của chủ đề thông qua sơ đồ hóa đã được chuẩn bị sẵn.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU

Dân số

Bùng nổ dân số

Già hóa dân số

Môi trường

Các vấn đề khác

Biến đổi KH toàn cần và suy giảm tần ô dôn

Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương

Suy giảm đa dạng sinh vật

Xung đột, khủng bố

Một số vấn đề khác

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới:

+ Lập sơ đồ kiến thức về một số vấn đề tự nhiên và một số vấn đề về dân cư - xã hội của Châu Phi.

+ Tìm nguyên nhân khiến đa số các nước Châu Phi hiện nay là những nước nghèo.

**PHIẾU HỌC TẬP**

**(GIAO CHO HỌC SINH SAU TIẾT 1 CỦA CHỦ ĐỀ)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề môi trường** | **Biểu hiện** | **Nguyên nhân** | **Hậu quả** | **Giải pháp** | **Liên hệ Việt Nam** |
| Biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ô dôn |  |  |  |  |  |
| Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương |  |  |  |  |  |
| Suy giảm đa dạng sinh vật |  |  |  |  |  |

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 6. BÀI 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC**

**TIẾT 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU PHI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước Châu Phi.

- Trình bày một vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội ở các quốc gia Châu Phi.

- Ghi nhớ địa danh: Nam Phi.

**- Tích hợp bảo vệ môi trường.**

**- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**Không kiểm tra.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**Tìm hiểu khái quát về châu Phi.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu và trình bày hiểu biết về châu Phi?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về một số vấn đề tự nhiên của châu Phi**

**a) Mục tiêu:**Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước Châu Phi. Ghi nhớ địa danh Châu Phi.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **I. Một số vấn đề về tự nhiên.**  - Khí hậu khô nóng, cảnh quan chủ yếu là hoang mạc, bán hoang mạc và xa van gây nhiều khó khăn cho phat triển kinh tế nhất là PT nông nghiệp  - Khoáng sản phong phú tạo ĐK thuận lợi cho PT công nghiệp và thu hút đầu tư nước ngoài nhưng KS đang bị KT mạnh làm cạn kiệt dần và ảnh hưởng lớn đến môi trường mà lợi nhuận chủ yếu thuộc về các công ti tư bản nước ngoài  - Rừng: Phân bố ở ven xích đạo và rỡa Tõy Bắc. Rừng cũng bị KT quỏ mức làm cho DT ngày càng thu hẹp, tăng nguy cơ hoang mạc hóa, thu hẹp DT đất canh tác  ⇒ Giải pháp:  - Áp dụng các biện pháp thuỷ lợi.  **- Sử dụng hợp lý đi đôi với việc bảo vệ và tái tạo TNTN, giành lại quyền kiểm soát đối với việc KT TNTN.** |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV trình chiếu lược đồ tự nhiên Châu Phi, yêu cầu HS quan sát, trả lời câu hỏi: Trình bày đặc điểm tự nhiên của Châu Phi (về KH, cảnh quan; khoáng sản, rừng) và ảnh hưởng của các đặc điểm đó đến KT - XH Châu Phi?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về một số vấn đề dân cư - xã hội châu Phi**

**a) Mục tiêu:**Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế xã hội ở các quốc gia Châu Phi.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **II. Một số vấn đề về dân cư và xã hội.**  - Dân cư: Đông và tăng nhanh (tỉ suất sinh thô, tỉ suất tử thô và tỉ suât gia tăng DS tự nhiên cao gần gấp đôi của thế giới và cao hơn tỉ suất gia tăng DS tự nhiên của chính nhóm nước đang phát triển quy mô DS lớn (chiếm gần 14% DS thế giới)  - Xã hội:  + Mức sống thấp. TTTB thấp, tỉ lệ mù chữ cao làm cho chỉ số HDI thấp nhất TG  + Trình độ dân trí thấp, nhiều hủ tục lạc hậu chưa được xoá bỏ.  + Bệnh tật, xung đột sắc tộc thường xuyên xảy ra.  Đặc điểm dân cư và XH gây nhiều trở ngại, khó khăn cho sự PT kinh tế của Châu Phi. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Trình bày đặc điểm dân cư châu Phi? Đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển KT - XH?

+ Nhóm 2, 4: Trình bày đặc điểm XH châu Phi? Đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển KT?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về một số vấn đề kinh tế của Châu Phi**

**a) Mục tiêu:**Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế xã hội ở các quốc gia Châu Phi.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **III. Một số vấn đề về kinh tế**  **1. Thực trạng:**  - Đa số các quốc gia châu Phi là những nước nghèo (34/54 quốc gia thuộc loại kém phát triển của TG)  - Gần đây tốc độ tăng GDP của một số quốc gia có xu hướng tăng và đạt mức khá cao  **2. Nguyên nhân**  + Do chủ nghĩa thực dân thống trị lâu dài (4 thế kỉ)  + Do ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh xung đột sắc tộc.  + Do yếu kém trong quản lí đất nước của nhiều quốc gia châu Phi non trẻ.  + Do trình độ đân trí thấp.  + Do dân số đông, tăng nhanh.  **3. Giải pháp:**  - Nhận sự viện trợ của các tổ chức quốc tế, các quốc gia PT với tinh thần hợp tác, bình đẳng  - Phát triển y tế, giáo dục  - Đào tạo đội ngũ cán bộ, lãnh đạo  - Giành lại quyền kiểm soát đối với việc KT TNTN  **- Khai thác tài nguyên một cách hợp lí, tiết kiệm để sử dụng được lâu dài** |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV trình chiếu bảng số liệu, biểu đồ về tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia Châu Phi và yêu cầu HS quan sát, kết hợp kiến thức ở mục III.

+ Câu hỏi: Cho biết thực trạng nền kinh tế châu Phi, nguyên nhân nào dẫn tới sự phát triển đó?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Lãnh thổ châu Phi đối xứng qua

**A.**xích đạo. **B.** chí tuyến Bắc.

**C.** chí tuyến Nam. **D.** kinh tuyến gốc.

**Câu 2:** Khu vực tập trung nhiều rừng rậm nhiệt đới ở châu Phi là

**A.** Bắc Phi. **B.** Nam Phi.

**C.** Đông Phi. **D.**Ven vịnh Ghinê.

**Câu 3:** Khó khăn lớn về tự nhiên của các nước Châu Phi đối với phát triển kinh tế là

**A.**khí hậu khô nóng. **B.** giảm diện tích rừng.

**C.** nhiều thiên tai. **D.** thiếu đất canh tác.

**Câu 4:** Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi chủ yếu mang lại lợi ích cho

**A.** các nước có tài nguyên. **B.** người lao động nghèo.

**C.**công ty tư bản nước ngoài. **D.** một nhóm người lao động.

**Câu 5:** Phần lớn lãnh thổ châu Phi có cảnh quan

**A.**hoang mạc, bán hoang mạc và xa van.

**B.** bán hoang mạc, xa van và cây bụi gai.

**C.** xa van, cây bụi gai và rừng nhiệt đới.

**D.** rừng nhiệt đới ẩm và bán hoang mạc.

**Câu 6:** Các loại tài nguyên đang bị khai thác mạnh ở châu Phi là

**A.** rừng và đất trồng. **B.** nước và khoáng sản.

**C.** đất trồng và nước. **D.**khoáng sản và rừng.

**Câu 7:** Diện tích đất đai bị hoang mạc hóa của châu Phi ngày càng tăng là do

**A.** khí hậu khô hạn.

**B.**rừng bị khai phá quá mức.

**C.** quá trình xâm thực diễn ra mạnh mẽ.

**D.** quá trình xói mòn, rửa trôi xảy ra mạnh.

**Câu 8:** Khoáng sản Đồng tập trung nhiều nhất ở vùng nào của châu Phi?

**A.** Bắc Phi. **B.**Trung, Nam Phi.

**C.** Tây Phi. **D.** Đông Phi.

**Câu 9:** Dân số châu Phi tăng rất nhanh là do

**A.** tỉ suất tử thô giảm còn chậm.

**B.** trình độ học vấn người dân thấp.

**C.**tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao.

**D.** tỉ suất gia tăng cơ giới còn cao.

**Câu 10:** Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho nền kinh tế Châu Phi còn châm phát triển là

**A.** trình đô dân trí thấp.

**B.** xung đột sắc tộc triền miên.

**C.** tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao.

**D.**sự thống trị lâu dài của chủ nghĩa thực dân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học được tổng hợp các điều kiện pháp triển và nhân tố kìm hãm sự phát triển kinh tế châu Phi.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn đến phần lớn lãnh thổ châu Phi có cảnh quan hoang mạc, bán hoang mạc và xa van?

\* Trả lời câu hỏi:

- Đia hình chủ yếu là cao nguyên, bồn địa, hoang mạc nên việc giao lưu KT - XH giữa các khu vực ở Châu Phi còn gặp nhiều khó khăn.

- Không có nhiều đồng bằng lớn, hoang mạc, bán hoang mạc va xa chiếm diện tích lớn đã hạn chế đất đai trồng trọt.

- Khí hậu khô nóng, nhiều vùng khô hạn, hạn hán trên diện rộng và kéo dài nhiều năm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi:

a. Cho biết những tiềm năng để phát triển kinh tế của Châu Phi?

b. Phân tích những nguyên nhân khiến nền kinh tế Châu Phi chậm phát triển?

- Chuẩn bị yêu cầu của bài mới:

+ Tìm hiểu tiềm năng phát triển kinh tế ở khu vực MLT.

+ Tìm hiểu những vấn đề cần giải quyết trong quá trình phát triển kinh tế của các nước MLT.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 7. BÀI 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC (TIẾP THEO)**

**TIẾT 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU MĨ LA TINH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở MLT.

- Trình bày một số vấn đề cần giải quyết để phát triển KT - XH của các quốc gia ở MLT.

- Ghi nhớ địa danh A - ma - dôn.

**- Tích hợp bảo vệ môi trường.**

**- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**

- Câu hỏi 1: Trình bày đặc điểm nổi bật về tự nhiên của châu Phi?

- Câu hỏi 2: Phân tích tác động của những vấn đề dân cư - xã hội của châu Phi tới sự phát triển KT của châu lục này?

Đáp án

**\* Câu hỏi 1:**

- Khí hậu: Khô nóng

- Cảnh quan chủ yếu: Hoang mạc, bán hoang mạc, xavan.

- Tài nguyên:

+ Giàu tài nguyên khoáng sản như dầu mỏ, kim cương, crom, khí tự nhiên, vàng, sắt…

+ Rừng chiếm diện tích ít phân bố chủ yếu quanh vùng xích đạo: rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm, rừng cận nhiệt đới khô, xa van và xa van - rừng.

- Sông ngòi: tập trung chủ yếu quanh vùng xích đạo, có các sông lớn: sông Nin, sông Công - gô, sông Nigie…

- Tuy nhiên sự khai thác tài nguyên quá mức làm cho tài nguyên bị cạn kiệt, nhiều khu vực bị hoang hoá…

- Giải pháp: Cần khai thác và sử dụng hợp lí tài nguyên và áp dụng các biện pháp thuỷ lợi.

**\* Câu hỏi 2:**

- Dân số đông và tốc độ tăng dân số cao đã gây nhiều sức ép về vấn đề xã hội của châu Phi:

+ Đói nghèo: vấn đề đảm bảo an ninh lương thực gặp nhiều khó khăn trong khi điều kiện canh tác nông nghiệp hạn chế.

+ Vấn đề nhà ở, y tế giáo dục gặp nhiều khó khăn: chất lượng đời sống nhân dân còn thấp, nhiều khu nhà ổ chuột, dịch bệnh tràn lan, đe dọa cuộc sống của hàng trăm triệu người dân châu Phi.

+ Gây sức ép về vấn đề giải quyết việc làm.

+ Kìm hãm sự phát triển kinh tế.

+ Trình độ dân trí thấp, còn nhiều hủ tục.

+ Các cuộc xung đột tại Bờ Biển Ngà, Công - gô, Xu - đăng, Xô - man - li…cướp đi sinh mạng của hàng triệu người.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**Tìm hiểu những nét khái quát về Mĩ La Tinh.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chiếu lên bảng yêu cầu HS tìm hiểu và trình bày hiểu biết về MLT?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về một số vấn đề về tự nhiên, dân cư và xã hội MLT**

**a) Mục tiêu:**Biết một số đặc điểm tự nhiên của châu Mĩ La Tinh. Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để xã hội ở các quốc gia châu Mĩ La Tinh. Phân tích bảng số liệu, tư liệu về một số vấn đề xã hội của Mĩ La Tinh.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **I. Một số vấn đề về tự nhiên, dân cư và xã hội**  **1. Tự nhiên**  - Cảnh quan thiên nhiên đa dạng và có sự phân hoá từ B - N, Đ - T, từ thấp lên cao.  - Giàu tài nguyên:  + Khoáng sản: giàu TN KS, thuận lợi cho phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành đa dang.  + Tài nguyên đất: Đất trồng đa dạng (các đồng bằng phù sa, các cao nguyên badan rộng lớn)  + KH phân hóa đa dạng  TN đất, khí hậu thuận lợi cho phát triển rừng, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây CN và cây ăn quả nhiệt đới **(nên cần khai thác hợp lí đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường).**  + Tài nguyên rừng, biển phong phú.  + Sông ngòi có giá trị cao về nhiều mặt: GTVT, thuỷ điện, thuỷ sản.  **KL: MLT giàu TN nhưng việc khai thác các nguồn TN giàu có trên chưa mang lại nhiều lợi ích cho đại bộ phận dân cư MLT**  **2. Dân cư và xã hội**  - Tỉ lệ dân nghèo cao.  - Sự chênh lệch giàu nghèo rất lớn.  - ĐTH tự phát diễn ra rất nghiêm trọng: Thị dân chiếm 75% DS nhưng 1/3 trong số đó sống trong điều kiện khó khăn. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1: Quan sát lược đồ, nhận xét về đặc điểm cảnh quan và tài nguyên khoangs sản của MLT?

+ Câu hỏi 2: Dựa vào bảng 5.3, nhận xét tỉ trọng thu nhập của các nhóm dân cư ở một số nước MLT?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về một số vấn đề về kinh tế của MLT**

**a) Mục tiêu:**Biết tiềm năng phát triển kinh tế ở các nước Mĩ La Tinh. Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế ở các quốc gia châu Mĩ La Tinh. Phân tích bảng số liệu, tư liệu về một số vấn đề kinh tế của Mĩ La Tinh: so sánh GDP, nợ nước ngoài của các quốc gia.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **II. Một số vấn đề về kinh tế.**  - Đa số các nước MLT có tốc độ phát triển kinh tế không đều (KT phát triển không ổn định).  - Nợ nước ngoài nhiều.  **\* Nguyên nhân:**  - Tình hình chính trị không ổn định.  - Duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài dẫn tới cản trở sự phát triển của xã hội.  - Chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế - xã hội độc lập, tự chủ, lệ thuộc vào nước ngoài.  **\* Giải pháp:**  - Củng cố bộ máy nhà nước.  - Phát triển giáo dục  - Cải cách kinh tế: Quốc hữu hoá một số ngành Kt, thực hiện CNH đất nước, tăng cường mở rộng buôn bán với nước ngoài.  **\* Kết quả:** Gần đây tình hình kinh tế đã có những chuyển biến tích cực: XK tăng nhanh, nhiều nước khống chế được lạm phát. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Quan sát H 5.4. Biểu đồ tốc độ tăng trưởng GDP của Mĩ La Tinh, nhận xét tốc độ tăng trưởng GDP của MLT.

+ Nhóm 2, 4: Quan sát bảng 5.4 GDP và nợ nước ngoài của một số quốc gia MLT, năm 2004, nhận xét về tỉ lệ nợ nước ngoài so với GDP của một số quốc gia MLT.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Tên gọi Mĩ Latinh được bắt nguồn từ nguyên nhân cơ bản nào?

**A.**Đặc điểm văn hoá và ngôn ngữ.

**B.** Từ sự phân chia của các nước lớn.

**C.** Do cách gọi của Côlômbô.

**D.** Đặc điểm ngôn ngữ và kinh tế.

**Câu 2:** Nét đặc biệt về văn hoá xã hội của Mĩ La Tinh khác với châu Phi

**A.**nền văn hoá phong phú nhưng có bản sắc riêng.

**B.** tham nhũng trở thành vấn nạn phổ biến.

**C.** thành phần chủng tộc đa dạng.

**D.** tôn giáo phong phú, phức tạp.

**Câu 3:** Đặc điểm nổi bật của dân cư Mĩ Latinh hiện nay là

**A.** Tốc độ gia tăng dân số thấp.

**B.** Phân bố dân cư đồng đều.

**C.**Tỷ lệ dân thành thị cao.

**D.** Thành phần chủng tộc thuần nhất.

**Câu 4:** Điểm khác biệt cơ bản về kinh tế - xã hội của các nước Mĩ La Tinh so với các nước châu Phi là

**A.** khai khoáng và trồng cây công nghiệp để xuất khẩu.

**B.** dân số tăng nhanh.

**C.** xung đột sắc tộc gay gắt và thường xuyên.

**D.**nợ nước ngoài quá lớn.

**Câu 5:** Mặc dù các nước Mĩ la tinh giành độc lập khá sớm nhưng nền kinh tế phát triển chậm **không** phải do

**A.** duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài.

**B.** các thế lực bảo thủ của thiên chúa giáo tiếp tục cản trở.

**C.**điều kiện tự nhiên khó khăn, tài nguyên thiên nhiên nghèo nàn.

**D.** chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế - xã hội độc lập.

**Câu 6:** Mĩ Latinh bao gồm các bộ phận lãnh thổ

**A.** Trung Mĩ và Nam Mĩ.

**B.** Trung Mĩ và quần đảo Caribê.

**C.** Quần đảo Caribê và Nam Mĩ.

**D.**Trung Mĩ, Nam Mĩ và quần đảo Caribê.

**Câu 7:** Phần lớn diện tích rừng xích đạo và rừng nhiệt đới ẩm ở Mĩ La Tinh tập trung ở

**A.**đồng bằng A - ma - dôn. **B.** đồng bằng La Pla - ta.

**C.** sơn nguyên Bra - xin. **D.** sơn nguyên Guy - an.

**Câu 8:** Loại tài nguyên khoáng sản chủ yếu của Mĩ Latinh là

**A.** Dầu mỏ, khí đốt. **B.**Kim loại màu và kim loại quý.

**C.** Kim loại đen. **D.** Than đá.

**Câu 9:** Mĩ la tinh nằm trong các đới khí hậu nào sau đây?

**A.** Nhiệt đới và cận nhiệt. **B.** Cận nhiệt và ôn đới.

**C.**Xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới. **D.** Nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới, hàn đới.

**Câu 10:** Ở Mĩ La tinh, rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm tập trung chủ yếu ở vùng nào?

**A.**Đồng bằng A - ma - zôn. **B.** Đồng bằng Pam - pa.

**C.** Vùng núi An - đét. **D.** Đồng bằng La Pla - ta.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để phân tích được điều kiện thuận lợi và khó khăn về kinh tế của Mĩ La Tinh.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Tại sao các nước châu Mĩ La tinh có nền kinh tế chậm phát triển nhưng lại có tỉ lệ dân cư đô thị chiếm đến 75% dân số?

\* Trả lời câu hỏi:

- Các nước châu Mĩ La tinh có nền kinh tế chậm phát triển nhưng lại có tỉ lệ dân cư đô thị chiếm đến 75% dân số là do hiện tượng đô thị hóa tự phát. Quá trình đô thị hóa luôn diễn ra trước quá trình công nghiệp hóa đã ảnh hưởng lớn đến việc giải quyết các vấn đề xã hội như: Việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục, môi trường, trật tự an ninh xã hội, vấn đề nâng cao chất lượng cuộc sống… và tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế của các nước MLT.

Khu vực Mĩ La tinh có nhiều thành phố đông dân như: Thủ đô Mê - hi - cô (26 triệu người) và các thành phố có số dân trên 10 triệu người (Xaopaolô, Riôđegianêrô, BuênôtAiret...) với tỉ lệ dân thành thị chiếm tới 75% dân số nhưng 1/3 trong số đó sống trong điều kiện khó khăn.

- Nguyên nhân dẫn đến đô thị hóa tự phát ở Mĩ La tinh: Do mức độ chênh lệch quá lớn về thu nhập giữa người giàu và người nghèo, giữa thành thị và nông thôn diễn ra ở hầu hết các nước Mĩ La tinh. Các cuộc cải cách ruộng đất không triệt để tạo điều kiện cho các chủ trang trại chiếm giữ phần lớn đất canh tác. Dân nghèo không có ruộng kéo ra thành phố tìm việc làm, gây nên hiện tượng đô thị hóa tựphát.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1: Trình bày những tiềm năng để phát triển kinh tế ở các nước MLT?

+ Câu hỏi 2: Phân tích những nguyên nhân dẫn tới nền kinh tế các nước MLT phát triển không ổn định? Giải pháp tháo gỡ?

- Chuẩn bị bài mới:

+ Tìm hiểu tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở khu vực Trung Á và Tây Nam Á

+ Tìm hiểu vai trò cung cấp dầu mỏ của khu vực Trung Á và Tây Nam Á cho thế giới?

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 8. BÀI 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC (TIẾP THEO)**

**TIẾT 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á**

**VÀ KHU VỰC TRUNG Á**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á.

- Trình bày được một số vấn đề KT - XH của khu vực Trung Á và Tây Nam Á (vai trò cung cấp dầu mỏ của khu vực Trung Á và Tây Nam Á cho thế giới).

- Ghi nhớ địa danh: Giê - ru - sa - lem, A - rập.

- **Trình bày được một số vấn đề KT - XH của khu vực Trung Á và Tây Nam Á (vai trò cung cấp dầu mỏ của khu vực Trung Á và Tây Nam Á cho thế giới)**

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**

- Câu hỏi 1: Vì sao các nước Mĩ la Tinh có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế nhưng tỉ lệ người nghèo khổ ở khu vực này lại cao?

- Câu hỏi 2: Những nguyên nhân dẫn tới nền kinh tế Mĩ La Tinh phát triển không ổn định?

Đáp án

**\* Câu hỏi 1:**

Nguyên nhân là do:

- Cuộc cải cách ruộng đất không triệt để đã tạo điều kiện cho các chủ trại chiếm giữ phần lớn đất canh tác, dân nghèo không có ruộng đất để canh tác.

- Các nước này duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài, các thế lực bảo thủ của Thiên Chúa giáo tiếp tục cản trở sự phát triển xã hội.

- Chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế - xã hội độc lập, tự chủ nên các nước Mĩ Latinh phát triển kinh tế chậm, thiếu ổn định, phụ thuộc vào tư bản nước ngoài, nhất là Hoa Kì.

**\* Câu hỏi 2:**

Nguyên nhân là do:

- Cuộc cải cách ruộng đất không triệt để đã tạo điều kiện cho các chủ trại chiếm giữ phần lớn đất canh tác, dân nghèo không có ruộng đất để canh tác.

- Các nước này duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài, các thế lực bảo thủ của Thiên Chúa giáo tiếp tục cản trở sự phát triển xã hội.

- Tình hình chính trị không ổn định tác động mạnh tới sự phát triển kinh tế và đầu tư nước ngoài giảm mạnh.

- Chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế - xã hội độc lập, tự chủ nên các nước Mĩ Latinh phát triển kinh tế chậm, thiếu ổn định, phụ thuộc vào tư bản nước ngoài, nhất là Hoa Kì.

- Quá trình cải cách kinh tế vấp phải sự phản kháng của các thế lực bị mất quyền lợi từ nguồn tài nguyên giàu có ở các quốc gia Mĩ La tinh này.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**Tìm hiểu những nét khái quát về khu vực Tây Nam Á và Trung Á.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

|  |
| --- |
| **\* Giới thiệu khái quát về khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á.**  + Nơi có nền văn minh rực rỡ: VM Lưỡng Hà  + Có nhiều kì quan nổi tiếng: Vườn treo Babilon, bức tường babilon..  + Thế giới A - râp huyền bí với “Một nghìn lẻ một đêm”, vũ điệu của người Di - Gan vùng Trung Á.  + Là nơi nhiều dầu mỏ nhất TG.  + Cùng là điểm nóng của TG. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu và trình bày hiểu biết về khu vực Tây Nam Á và Trung Á?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về đặc điểm của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á**

**a) Mục tiêu:**Biết được tiềm năng phát triển KT của KV Tây Nam Á và Trung Á. Trình bày được một số vấn đề xã hội của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á. Ghi nhớ một số địa danh: Giê - ru - sa - lem, A - rập.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**I. Đặc điểm của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực - đặc điểm nổi bật** | **Tây Nam Á** | **Trung Á** |
| Diện tích lãnh thổ | Khoảng 7 triệu Km2 | Khoảng 5, 6 tr km2 |
| Vị trí địa lí | Có vị trí chiến lược quan trọng | Nằm ở trung tâm lục địa Á Âu |
| Khí hậu | Khí hậu khô hạn | Khí hậu lục địa sâu sắc dẫn tới cảnh quan chủ yếu là thảo nguyên khô và hoang mạc |
| Tài nguyên thiên nhiên | Có nhiều dầu mỏ, chiếm>50% trữ lượng TG, tập trung quanh vịnh Pec - Xich | Giàu có về KS, tiềm năng thuỷ điện |
| Đặc điểm dân cư - xã hội | - Có 20 qg và vùng lãnh thổ, có nền văn minh sớm phát triển.  - Số dân>313tr người (2005), chủ yếu theo đạo Hồi. | - Chịu ảnh hưởng văn hoá của cả phương Đông và phương Tây.  - DS: 61,3 tr người (2005), chủ yếu theo đạo Hồi (trừ Mông Cổ) |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ GV trình chiếu bản đồ tự nhiên Châu Á (khoanh vùng rõ 2 khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á), một số hình ảnh về dân cư - xã hội của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á. Yêu cầu HS quan sát, kết hợp kiến thức ở mục I để trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội của hai khu vực đó.

+ GV giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhóm 1, 3:

Câu hỏi 1: Trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội của khu vực Tây Nam ¸.

+ Nhóm 2, 4:

Câu hỏi 2: Trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội của khu vực Trung

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á**

**a) Mục tiêu:**HS trình bày được một số vấn đề kinh tế - xã hội của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á (vai trò cung cấp dầu mỏ; xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố).

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **II. Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực trung Á.**  **1. Vai trò cung cấp dầu mỏ.**  - Tây Nam Á có SL khai thác dầu lớn nhất thế giới.  - Tây Nam Á và Trung Á là hai khu vực có sản lượng khai thác lớn hơn nhiều so với SL tiêu dùng dẫn tới cung cấp lượng dầu mỏ lớn trên thị trường thế giới (ước tính 16 nghìn thùng/ngày)  **2. Xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố.**  **-** Tình hình chính trị - xã hội ở hai khu vực này không ổn định thường xuyên xảy ra xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố gây hậu quả nặng nề về người và của:  + Xung đột giữa người ả - Rập (Palextin) và người do thái (I - xra - en).  \* Giải pháp: Chấm dứt bạo lực, đối thoại thúc đẩy tiến trình hoà bình.  + Sự hoạt động của các tổ chức chính trị, tôn giáo cực đoan; sự can thiệp của các thế lực bên ngoài và những lực lượng khủng bố đã gây nên sự bất ổn của khu vực, gia tăng tình trạng đói nghèo.  \* Giải pháp: Cần chống khủng bố, tạo sự ổn định để có điều kiện phát triển kinh tế. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

+ GV trình chiếu biểu đồ lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng của một số KV trên TG năm 2003.

+ GV trình chiếu một số hình ảnh về chiến tranh, xung đột ở hai khu vực Tây Nam Á và Trung Á.

+ Câu hỏi 1: Quan sát biểu đồ và kết hợp kiến thức ở mục 1 đế nhận xét về vai trò cung cấp dầu mỏ của khu vực Tây Nam Á và Trung Á.

+ Câu hỏi 2: Quan sát hình ảnh và rút ra nhận xét về tình hình chính trị - xã hội ở hai khu vực Tây Nam Á và Trung Á.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** ở Tây Nam Á, yếu tố tinh thần có ảnh hưởng bao trùm đến toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của khu vực là

**A.** Văn học. **B.** Nghệ thuật.

**C.**Tôn giáo. **D.** Bóng đá.

**Câu 2:** Hồi giáo được phát tích từ thành phố nào ở khu vực Tây Nam Á?

**A.**Mecca. **B.** Tê - hê - ran.

**C.** Bat - da. **D.** Ixtanbun.

**Câu 3:** Quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất ở khu vực Tây Nam Á là

**A.**Ả - Rập - xê - út. **B.** I - rắc.

**C.** Thổ Nhĩ Kì. **D.** Cô - oét.

**Câu 4:** Điểm tương đồng về mặt tự nhiên khu vực Tây Nam Á và Trung Á

**A.** nằm ở vĩ độ rất cao, giàu tài nguyên rừng.

**B.**có khí hậu khô hạn, giàu tài nguyên dầu mỏ.

**C.** có khí hậu nóng ẩm, giàu tài nguyên rừng.

**D.** có khí hậu lạnh, giàu tài nguyên thủy sản.

**Câu 5:** Cả khu vưc Tây Nam Á và Trung Á đều có đặc điểm chung là

**A.** quốc gia nào cũng tiếp giáp với biển.

**B.** các quốc gia đều có trữ lượng dầu lớn.

**C.** nằm trên “con đường tơ lụa” trong lịch sử.

**D.**có dân cư thưa thớt, mật độ dân số thấp

**Câu 6:** Hai con sông nổi tiếng nhất, gắn với nền văn minh Lưỡng Hà rực rỡ thời Cổ đại ở khu vực Tây Nam Á là

**A.** Ấn và Hằng. **B.** Nin và Cônggô.

**C.** Hoàng Hà và Trường Giang. **D.**Tigrơ và Ơphrát.

**Câu 7:** Điểm khác biệt về kinh tế - xã hội giữa các nước Trung Á và Tây Nam Á là

**A.** chịu ảnh hưởng của Hồi giáo.

**B.** có vị trí địa chiến lược quan trọng

**C.** nguồn dầu mỏ phong phú.

**D.**có khả năng phát triển ngành nông nghiệp.

**Câu 8:** Nguyên nhân nào sau đây làm cho Tây Nam Á luôn trở thành “điểm nóng” của thế giới?

**A.**Xung đột quân sự, sắc tộc, tôn giáo kéo dài.

**B.** Tình trạng cạnh tranh trong sản xuất dầu khí.

**C.** Khu vực thường xuyên mất mùa, đói kém.

**D.** Điều kiện khí hậu ở đây nóng và khô hơn.

**Câu 9:** Nguyên nhân sâu xa gây nên tình trạng mất ổn định ở khu vực Tây Nam Á và Trung Á là

**A.** sự phức tạp của thành phần sắc tộc, tôn giáo.

**B.**nguồn dầu mỏ và vị trí địa - chính trị quan trọng.

**C.** vị trí địa chính trị và lịch sử khai thác lâu đời.

**D.** sự tranh giành đất đai và tài nguyên nước.

**Câu 10:** Nét tương đồng nổi bật nhất trong tình hình kinh tế - xã hội của Tây Nam Á và Trung Á là

**A.** khu vực đa tôn giáo, đa chủng tộc.

**B.** hồi giáo cực đoan đang kiểm soát xã hội.

**C.** kinh tế dựa chủ yếu vào việc xuất khẩu khoáng sản.

**D.**thường xuyên có tranh chấp nên thiếu ổn định.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề tồn tại ở Tây Nam Á và Trung Á.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Các vấn đề của khu vực Tây Nam Á và Trung Á nên bắt đầu giải quyết từ đâu? Vì sao?

\* Trả lời câu hỏi:

- Vì xung đột về sắc tộc, xung đột về tôn giáo và nạn khủng bố cũng là một trong những vấn đề mang tính toàn cầu, có ảnh đến hòa bình, ổn định về kinh tế, chính trị trong khu vực và trên toàn thế giới nên cần có sự hợp tác tích cực giữa các quốc gia, cùng đàm phán phân tích rõ các nguyên nhân dẫn đến xung đột để tìm cách tháo gỡ đồng thời kêu gọi sự giúp đỡ, ủng hộ của các tổ chức ưu chuộng hòa bình trên thế giới.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế, giải quyết tình trạng đói nghèo vì đói nghèo cũng là nguyên nhân dẫn đến chính trị bất ổn.

- Phát triển giáo dục, nâng cao trình độ dân trí, xóa bỏ những định kiến, kì thị về dân tộc, tôn giáo

**-** Tăng cường tinh thần đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc, các tôn giáo; tinh thần đoàn kết giữa các quốc gia để tạo nên một khu vực hòa bình, cùng nhau phát triển, chống lại sự can thiệp của thế lực bên ngoài và những lực lượng khủng bố.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1: Cho biết tiềm năng để phát triển kinh tế của Tây Nam Á và Trung Á?

+ Câu hỏi 2: Những bất ổn về chính trị ở Tây Nam Á và Trung Á có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế? Giải pháp giải quyết những bất ổn đó?

- Hệ thống hóa kiến thức từ bài 1 đến bài 5 để chuẩn bị cho ôn tập (thiết lập sơ đồ kiến thức, những phần KT cơ bản nhất và mối quan hệ logic giữa chúng).

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 9: ÔN TẬP GIỮA KỲ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Khái quát, hệ thống hóa kiến thức đã học, bao gồm:

- Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

- Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.

- Một số vấn đề mang tính toàn cầu.

- Một số vấn đề của châu lục và khu vực.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**Xen kẽ trong quá trình học.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được cấu trúc đề kiểm tra.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân để đặt câu hỏi đối với những nội dung chưa rõ hoặc chưa hiểu.

**I. Cấu trúc đề kiểm tra**

**1. Phần trắc nghiệm khách quan (7 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số câu** |
| 1 | Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. | 05 |
| 2 | Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế. | 05 |
| 3 | Một số vấn đề mang tính toàn cầu. | 05 |
| 4 | Một số vấn đề của châu lục và khu vực | 13 |

**Lưu ý: phần kỹ năng được lồng ghép trong các nội dung nêu trên**

**2. Phần tự luận (3 điểm)**

Một số vấn đề của châu lục và khu vực

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội và quá trình phát triển kinh tế ở Châu Phi.

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội và quá trình phát triển kinh tế ở Mỹ la tinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu cấu trúc đề kiểm tra giữa kì. Yêu cầu HS rà soát lại kiến thức và đưa ra câu hỏi đối với những nội dung lí thuyết chưa nắm rõ hoặc chưa hiểu.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS đặt câu hỏi và yêu cầu các HS khác lắng nghe, trả lời, giải thích câu hỏi của bạn.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào hoạt động ôn tập.

**HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP**

**a) Mục tiêu:**HS hệ thống lại kiến thức đã được học.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để hệ thống hóa kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành việc hệ thống hóa kiến thức theo nội dung GV hướng dẫn:

|  |
| --- |
| **II. Nội dung ôn tập:**  - Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.  - Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.  - Một số vấn đề mang tính toàn cầu.  - Một số vấn đề của châu Phi.  - Một số vấn đề của khu vực Mĩ La tinh.  - Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung kiến thức đã học bằng sơ đồ dưới sự hướng dẫn của GV và theo cấu trúc đề kiểm tra.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại và hệ thống hoá các kiến thức đã học.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi câu hỏi đại diện HS sẽ trả lời các HS khác nhận xét và bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là xuất hiện và phát triển nhanh chóng

**A.** công nghiệp điện tử. **B.** công nghiệp dệt may.

**C.**công nghệ cao. **D.** công nghiệp cơ khí.

**Câu 2:** Hậu quả lớn nhất của toàn cầu hoá kinh tế là

**A.**gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

**B.** tác động xấu đến môi trường xã hội.

**C.** làm ô nhiễm môi trường tự nhiên.

**D.** làm tăng cường các hoạt động tội phạm.

**Câu 3:** Loại khí thải nào đã làm tầng ô dôn mỏng dần?

**A.** O3 **B.**CFCs

**C.** CO2 **D.** N2O

**Câu 4:** Nguyên nhân chủ yếu gây nên hiệu ứng nhà kính trên toàn thế giới là chất khí

**A.** CFCS **B.** NO2

**C.**CO2 **D.** CH4

**Câu 5:** Dầu khí là nguồn tài nguyên có giá trị quyết định đối với sự phát triển kinh tế của vùng

**A.**Bắc Phi. **B.** Nam Phi.

**C.** Đông Phi. **D.** Tây Phi

**Câu 6:** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho cảnh quan hoang mạc phổ biến ở châu Phi?

**A.** Địa hình cao. **B.**Khí hậu khô nóng.

**C.** Lục địa hình khối. **D.** Dòng biển lạnh.

**Câu 7:** Mặc dù các nước Mĩ la tinh giành độc lập khá sớm nhưng nền kinh tế phát triển chậm **không** phải do

**A.** duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài.

**B.** các thế lực bảo thủ của thiên chúa giáo tiếp tục cản trở.

**C.**điều kiện tự nhiên khó khăn, tài nguyên thiên nhiên nghèo nàn.

**D.** chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế - xã hội độc lập.

**Câu 8:** Biểu hiện rõ rệt của việc cải thiện tình hình kinh tế ở nhiều nước Mĩ La tinh là

**A.** giảm nợ nước ngoài, đẩy mạnh nhập khẩu.

**B.**xuất khẩu tăng nhanh, khống chế được lạm phát.

**C.** công nghiệp phát triển, giảm nhanh xuất khẩu.

**D.** tổng thu nhập quốc dân ổn định, trả được nợ nước ngoài.

**Câu 9:** Hai con sông nổi tiếng nhất, gắn với nền văn minh Lưỡng Hà rực rỡ thời Cổ đại ở khu vực Tây Nam Á là

**A.** Ấn và Hằng. **B.** Nin và Cônggô.

**C.** Hoàng Hà và Trường Giang. **D.**Tigrơ và Ơphrát.

**Câu 10:** Tên gọi Mĩ Latinh được bắt nguồn từ nguyên nhân cơ bản nào?

**A.**Đặc điểm văn hoá và ngôn ngữ.

**B.** Từ sự phân chia của các nước lớn.

**C.** Do cách gọi của Côlômbô.

**D.** Đặc điểm ngôn ngữ và kinh tế.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

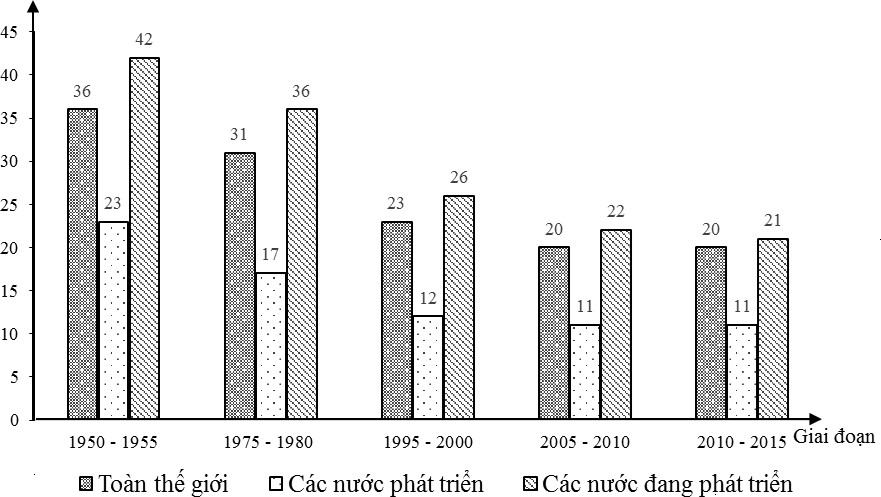
**a) Mục tiêu:**Hs vận dụng kiếm thức, kỹ năng và năng lực đã học tập, rèn luyện được để trả lời các câu hỏi gắn với điều kiện thực tiễn của các khu vực và trên thế giới.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Cho biểu đồ:

*‰*



TỈ SUẤT SINH THÔ CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC

*(Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam, NXB Thống kê)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng với tỉ suất sinh thô của thế giới và các nhóm nước, thời kì 1950 - 2015?

**A.** Từ năm 2005, các nước phát triển và toàn thế giới ổnđịnh.

**B.** Các nước phát triển, đang phát triển đều có xu hướnggiảm.

**C.** Các nước đang phát triển giảm nhiều hơn toàn thếgiới.

**D.**Các nước phát triển giảm nhiều hơn các nước đang pháttriển.

**Câu 2:** Sản xuất máy bay Bô-ing là kết quả của 650 công ty thuộc 30 nước. Điều này nói lên đặc điểm chủ yếu nào của thế giới hiện nay?

**A.** Có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.

**B.** Sự phân công lao động quốc tế ngày càng sâu và rộng.

**C.** Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại có tác động sâu sắc.

**D.**Vai trò của các công ty xuyên quốc gia ngày càng lớn.

**Câu 3:** Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm nước** | **Nước** | **Năm 2005** | **Năm 2010** | **Năm 2014** |
| Phát triển | Phần Lan | 0,2 | 0,2 | 0,1 |
| Pháp | 0,4 | 0,4 | 0,2 |
| Nhật Bản | 0,1 | 0,0 | -0,2 |
| Thụy Điển | 0,1 | 0,2 | 0,2 |
| Đang phát triển | Mông Cổ | 1,6 | 1,9 | 2,3 |
| Bô-li-vi-a | 2,1 | 2,0 | 1,9 |
| Dăm-bi-a | 1,9 | 2,5 | 3,4 |
| Ai Cập | 2,0 | 2,1 | 2,6 |

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

**A.** Các nước đang phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp và giảm dần

**B.** Các nước phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên rất thấp và có xu hướng tăng

**C.**Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên các nước đang phát triển cao hơn các nước phát triển.

**D.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của các nhóm nước là ổn định không biến động.

**Câu 4:** Nét tương đồng nổi bật nhất trong tình hình kinh tế - xã hội của Tây Nam Á và Trung Á là

**A.** khu vực đa tôn giáo, đa chủng tộc.

**B.** hồi giáo cực đoan đang kiểm soát xã hội.

**C.** kinh tế dựa chủ yếu vào việc xuất khẩu khoáng sản.

**D.**thường xuyên có tranh chấp nên thiếu ổn định.

**Câu 5:** Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia ở châu Phi là

**A.** tích cực mở rộng mô hình sản xuất quảng canh.

**B.** tiến hành khai hoang mở rộng diện tích đất trồng.

**C.** tạo ra các giống cây có khả năng chịu khô hạn.

**D.**áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

- GV nhấn mạnh những nội dung trọng tâm liên quan đến bài thi.

- Yêu cầu HS hoàn thành các bài tập đã ra.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Yêu cầu HS làm dàn ý, đề cương vào vở

- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập

- Ôn tập chuẩn bị kiểm tra.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 10: KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

- Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.

- Một số vấn đề mang tính toàn cầu.

- Một số vấn đề của châu Phi.

- Một số vấn đề của khu vực Mĩ La tinh.

- Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: Tổng hợp kiến thức để giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Bút, thước kẻ, giấy nháp.

**2. Học liệu:** Đề kiểm tra, Atlat.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**Không kiểm tra.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/Mức độ nhận thức** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. | Biết được các đặc điểm về kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Sự ra đời của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. | Phân tích được những đặc điểm kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Phân tích những đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. | So sánh được các đặc điểm kinh tế - xã hội giữa các nhóm nước. Đánh giá được tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đối với kinh tế - xã hội. | Đánh giá xu hướng thay đổi đặc điểm kinh tế - xã hội của các nhóm nước. |
| 12,5% tổng số điểm = 1,25 điểm | Số câu = 02 TN  Số điểm = 0,5 | Số câu = 01 TN  Số điểm = 0,25 | Số câu = 01 TN  Số điểm = 0,25 | Số câu = 01 TN  Số điểm = 0,25 |
| Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế. | Biết được những biểu hiện của xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa. | Phân tích được những hệ quả của toàn cầu hóa, khu vực hóa. | Giải thích được nguyên nhân dẫn tới quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa. | Liên hệ thực tiễn của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa. |
| 12,5% tổng số điểm = 1,25 điểm | Số câu = 02 TN  Số điểm = 0,5 | Số câu = 01 TN  Số điểm = 0,25 | Số câu = 01 TN  Số điểm = 0,25 | Số câu = 01 TN  Số điểm = 0,25 |
| Một số vấn đề mang tính toàn cầu | Nhớ được các biểu hiện của một số vấn đề mang tính toàn cầu | Hiểu được nguyên nhân của một số vấn đề mang tính toàn cầu |  | Lí giải được giải pháp giải quyết một số vấn đề mang tính toàn cầu |
| 12,5% tổng số điểm = 1,25 điểm | Số câu: 01 TN  Số điểm: 0,25 | Số câu: 02 TN  Số điểm: 0,5 |  | Số câu: 02 TN  Số điểm: 0,5 |
| Một số vấn đề châu lục và khu vực | Biết các đặc điểm của tự nhiên, dân cư - xã hội và kinh tế Châu Phi, Mĩ la tinh, Tây Nam Á và Trung Á. |  | Phân tích được tác động của tự nhiên, dân cư - xã hội đối với kinh tế Châu Phi, Mĩ la tinh, Tây Nam Á và Trung Á. Đề xuất giải pháp. |  |
| 62,5% tổng số điểm = 6,25 điểm | Số câu: 07 TN + 01 câu TL  Số điểm: 3,25 |  | Số câu: 6 TN + 1 câu TL  Số điểm: 3,0 |  |
| **Tổng số điểm: 10 điểm** | Số câu: 12 TN + 01 TL  4,5 điểm (45% tổng số điểm) | Số câu: 04 TN  1,0 điểm (10% tổng số điểm) | Số câu: 08 TN + 01 TL  3,5 điểm (35% tổng số điểm) | Số câu: 04 TN  1,0 điểm (10% tổng số điểm) |

**B. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ SỐ 01**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1:** Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là xuất hiện và phát triển nhanh chóng

**A.** công nghiệp điện tử. **B.** công nghiệp dệt may.

**C.**công nghệ cao. **D.** công nghiệp cơ khí.

**Câu 2:** Các nước phát triển có đặc điểm gì?

**A.** GDP bình quân đầu người cao, chỉ số HDI thấp.

**B.** Đầu tư ra nước ngoài ít, chỉ số HDI cao.

**C.** GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI thấp.

**D.**Đầu tư nước ngoài nhiều, chỉ số HDI cao.

**Câu 3:** Ngành công nghiệp nào sau đây là tiền đề của tiến bộ khoa học - kĩ thuật?

**A.** Điện tử. **B.**Năng lượng.

**C.** Dệt - may. **D.** Thực phẩm.

**Câu 4:** Điểm khác biệt trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nhóm nước phát triển so với nhóm nước đang phát triển là

**A.**tỉ trọng khu vực III rất cao. **B.** tỉ trọng khu vực II rất thấp.

**C.** tỉ trọng khu vực I còn cao. **D.** tỉ trọng khu vực III thấp.

**Câu 5:** Xu hướng thay đổi cơ cấu công nghiệp của nước đang phát triển là

**A.** áp dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất.

**B.** tạo ra khối lượng sản phẩm công nghiệp lớn.

**C.** tạo ra khối lượng sản phẩm công nghiệp với chất lượng cao.

**D.**đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn hướng ra xuất khẩu.

**Câu 6:** Vai trò to lớn của Tổ chức thương mại thế giới là

**A.** củng cố thị nền kinh tế toàn cầu

**B.** tăng cường liên kết các khối kinh tế.

**C.**thúc đẩy tự do hóa thương mại.

**D.** giải quyết xung đột giữa các nước.

**Câu 7:** Các công ty đa quốc gia có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Số lượng có xu hướng ngày càng giảm.

**B.**Nắm trong tay nguồn của cải vật chất rất lớn.

**C.** Chi phối hoạt động chính trị của nhiều nước.

**D.** Phạm vi hoạt động chỉ trong một khu vực.

**Câu 8:** Toàn cầu hóa và khu vực hóa là xu hướng tất yếu, dẫn đến

**A.**sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

**B.** sự liên kết giữa các nước phát triển với nhau

**C.** các nước đang phát triển gặp nhiều khó khăn.

**D.** ít phụ thuộc lẫn nhau hơn giữa các nền kinh tế.

**Câu 9:** Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực vừa hợp tác, vừa cạnh tranh không phải để

**A.** thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

**B.** tăng cường đầu tư dịch vụ giữa các khu vực.

**C.**hạn chế khả năng tự do hóa thương mại.

**D.** bảo vệ lợi ích kinh tế các nước thành viên.

**Câu 10:** Sản xuất máy bay Bô - ing là kết quả của 650 công ty thuộc 30 nước. Điều này nói lên đặc điểm chủ yếu nào của thế giới hiện nay?

**A.** Có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.

**B.** Sự phân công lao động quốc tế ngày càng sâu và rộng.

**C.** Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại có tác động sâu sắc.

**D.**Vai trò của các công ty xuyên quốc gia ngày càng lớn.

**Câu 11:** Vấn đề dân số cần giải quyết ở các nước đang phát triển hiện nay là

**A.**bùng nổ dân số. **B.** già hoá dân số.

**C.** tỉ lệ dân thành thị cao. **D.** phân hoá giàu nghèo rõ nét.

**Câu 12:** Loại khí thải nào đã làm tầng ô dôn mỏng dần?

**A.** O3 **B.**CFCs **C.** CO2 **D.** N2O

**Câu 13:** Nguyên nhân chủ yếu ô nhiễm nguồn nước ngọt hiện nay là

**A.** chặt phá rừng bừa bãi.

**B.** dân số tăng nhanh.

**C.** các sự cố đắm tàu, rửa tàu, tràn dầu.

**D.**chất thải chưa được xử lý đổ ra sông, hồ.

**Câu 14:** Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA MỘT SỐ NƯỚC

TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm nước** | **Nước** | **Năm 2005** | **Năm 2010** | **Năm 2014** |
| Phát triển | Phần Lan | 0,2 | 0,2 | 0,1 |
| Pháp | 0,4 | 0,4 | 0,2 |
| Nhật Bản | 0,1 | 0,0 | - 0,2 |
| Thụy Điển | 0,1 | 0,2 | 0,2 |
| Đang phát triển | Mông Cổ | 1,6 | 1,9 | 2,3 |
| Bô - li - vi - a | 2,1 | 2,0 | 1,9 |
| Dăm - bi - a | 1,9 | 2,5 | 3,4 |
| Ai Cập | 2,0 | 2,1 | 2,6 |

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

**A.** Các nước đang phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp và giảm dần

**B.** Các nước phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên rất thấp và có xu hướng tăng

**C.**Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên các nước đang phát triển cao hơn các nước phát triển.

**D.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của các nhóm nước là ổn định không biến động.

**Câu 15:** Biện pháp nhằm làm cân bằng giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên và giải quyết các vấn đề xã hội mà nhân loại đang hướng tới là

**A.** Phát triển theo chiều rộng. **B.** Phát triển theo chiều sâu.

**C.** Phát triển nhanh. **D.**Phát triển bền vững.

**Câu 16:** Lãnh thổ châu Phi đối xứng qua

**A.**xích đạo. **B.** chí tuyến Bắc.

**C.** chí tuyến Nam. **D.** kinh tuyến gốc.

**Câu 17:** Khu vực tập trung nhiều rừng rậm nhiệt đới ở châu Phi là

**A.** Bắc Phi. **B.** Nam Phi.

**C.** Đông Phi. **D.**Ven vịnh Ghinê.

**Câu 18:** Mĩ Latinh không có kiểu cảnh quan nào sau đây?

**A.** Xích đạo. **B.** Nhiệt đới.

**C.** Ôn đới. **D.**Hàn đới.

**Câu 19:** Tôn giáo phổ biến ở Mĩ Latinh hiện nay là

**A.**Đạo Kitô. **B.** Đạo Tin lành.

**C.** Đạo Hồi. **D.** Đạo Phật.

**Câu 20:** Quốc gia ở Tây Nam Á có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nhất thế giới là

**A.** Iran. **B.** Irắc.

**C.** Côoét. **D.**Arập Xêút

**Câu 21:** Tài nguyên nào sau đây hiện đang bị khai thác mạnh ở châu Phi?

**A.** Khoáng sản và thủy sản. **B.**Khoáng sản và rừng.

**C.** Rừng và thủy sản. **D.** Đất,rừng và thủy sản.

**Câu 22:** Mĩ la tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển

**A.**cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc.

**B.** cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi gia đại gia súc.

**C.** cây lương thực, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.

**D.** cây lương thực, cây công nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.

**Câu 23:** Điểm khác biệt cơ bản về kinh tế - xã hội của các nước Mĩ La Tinh so với các nước châu Phi là

**A.** khai khoáng và trồng cây công nghiệp để xuất khẩu.

**B.** dân số tăng nhanh.

**C.** xung đột sắc tộc gay gắt và thường xuyên.

**D.**nợ nước ngoài quá lớn.

**Câu 24:** Điểm khác biệt về kinh tế - xã hội giữa các nước Trung Á và Tây Nam Á là

**A.** chịu ảnh hưởng của Hồi giáo.

**B.** có vị trí địa chiến lược quan trọng

**C.** nguồn dầu mỏ phong phú.

**D.**có khả năng phát triển ngành nông nghiệp.

**Câu 25:** Vốn đầu tư nước ngoài vào Mĩ La tinh giảm mạnh từ sau năm 1985 do nguyên nhân chủ yếu nào?

**A.** Xảy ra xung đột sắc tộc, tôn giáo.

**B.**Tình hình chính trị không ổn định.

**C.** Xảy ra nhiều thiên tai, kinh tế suy thoái.

**D.** Chính sách thu hút đầu tư không phù hợp.

**Câu 26:** Điểm giống nhau về mặt xã hội của khu vực Tây Nam Á và Trung Á là

**A.** đông dân và gia tăng dân số còn cao.

**B.**xung đột sắc tộc, tôn giáo và khủng bố.

**C.** phần lớn dân cư theo đạo Hin du.

**D.** phần lớn dân số sống theo đạo Ki - tô.

**Câu 27:** Nguyên nhân nào sau đây làm cho Tây Nam Á luôn trở thành “điểm nóng” của thế giới?

**A.**Xung đột quân sự, sắc tộc, tôn giáo kéo dài.

**B.** Tình trạng cạnh tranh trong sản xuất dầu khí.

**C.** Khu vực thường xuyên mất mùa, đói kém.

**D.** Điều kiện khí hậu ở đây nóng và khô hơn.

**Câu 28:** Các nước Mĩ La tinh nằm giữa hai đại dương là

**A.** Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

**B.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.

**D.**Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm):** Trình bày những nét chính về dân cư và xã hội Châu Phi.

**Câu 2 (1,5 điểm):** Các nước Châu Phi cần có giải pháp gì để khắc phục khó khăn trong quá trình khai thác, bảo vệ tài nguyên?

**ĐỀ SỐ 02**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1:** Một số nước và vùng lãnh thổ đã trải qua quá trình công nghiệp hóa và đạt được trình độ nhất định về công nghiệp gọi chung là các nước

**A.**công nghiệp mới. **B.** phát triển.

**C.** công nghiệp. **D.** đang phát triển.

**Câu 2:** Cuộc cách mạnh khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra vào

**A.** nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. **B.** cuối thế kỷ XVIII.

**C.**cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI. **D.** từ đầu thế kỷ XXI.

**Câu 3:** Nghiên cứu sử dụng các vi mạch, chíp điện tử có tốc độ cao, kĩ thuật số hóa thuộc lĩnh vực công nghệ nào dưới đây?

**A.** Sinh học. **B.** Vật liệu.

**C.** Năng lượng. **D.**Thông tin.

**Câu 4:** Ở các nước đang phát triển, ngành nông nghiệp thu hút nhiều lao động nhưng lại chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu GDP là do

**A.** dân số đông và tăng nhanh. **B.** truyền thống sản xuất lâu đời.

**C.**trình độ phát triển kinh tế thấp. **D.** kĩ thuật canh tác lạc hậu.

**Câu 5:** Ở các nước phát triển, nông nghiệp là loại hình sản xuất mang đặc điểm

**A.** sử dụng ít lao động nhưng có tỉ lệ đóng góp vào GDP cao.

**B.** sử dụng nhiều lao động và có tỉ lệ đóng góp vào GDP cao.

**C.**sử dụng ít lao động và có tỉ lệ đóng góp vào GDP nhỏ.

**D.** sử dụng nhiều lao động nhưng có tỉ đóng góp vào GDP nhỏ.

**Câu 6:** Tổ chức thương mại thế giới WTO ra đời có vai trò lớn trong việc

**A.**thúc đẩy tự do hóa thương mại.

**B.** thúc đẩy hoạt động liên kết vùng.

**C.** gắn kết hoạt động tín dụng quốc tế.

**D.** tăng trưởng dịch vụ viễn thông.

**Câu 7:** Toàn cầu hóa kinh tế **không** có biểu hiện nào sau đây?

**A.** Thương mại quốc tế phát triển mạnh.

**B.** Đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh.

**C.**Các tổ chức liên kết khu vực ra đời.

**D.** Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.

**Câu 8:** Hậu quả lớn nhất của toàn cầu hoá kinh tế là

**A.**gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

**B.** tác động xấu đến môi trường xã hội.

**C.** làm ô nhiễm môi trường tự nhiên.

**D.** làm tăng cường các hoạt động tội phạm.

**Câu 9:** Động lực cơ bản thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) là

**A.** sự hình thành thị trường thống nhất trong khu vực.

**B.** các nước thành viên đều tham gia vào WTO.

**C.** sự tự do hoá đầu tư dịch vụ trong khu vực.

**D.**sự hợp tác và cạnh tranh giữa các thành viên.

**Câu 10:** Sự kiện quốc tế nào diễn ra tại TP Đà Nẵng vào tháng 11/2017?

**A.**Tuần lễ cấp cao APEC.

**B.** Hội nghị bộ trưởng ASEAN.

**C.** Cuộc thi hoa hậu toàn cầu.

**D.** Đại hội thể thao Đông Nam Á.

**Câu 11:** Ngành nào đã đưa khí thải vào khí quyển nhiều nhất?

**A.** Nông nghiệp. **B.**Công nghiệp.

**C.** Xây dựng. **D.** Dịch vụ.

**Câu 12:** Nguyên nhân chủ yếu gây nên hiệu ứng nhà kính trên toàn thế giới là chất khí

**A.** CFCS **B.** NO2

**C.**CO2 **D.** CH4

**Câu 13:** Vấn đề dân số cần giải quyết ở các nước phát triển hiện nay là

**A.** bùng nổ dân số. **B.**già hoá dân số.

**C.** tỉ lệ dân thành thị cao. **D.** phân hoá giàu nghèo.

**Câu 14:** Để giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu cần sự hợp tác giữa

**A.**các quốc gia trên thế giới. **B.** các quốc gia phát triển.

**C.** các quốc gia đang phát triển. **D.** một số cường quốc kinh tế.

**Câu 15:** Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC

TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

*(Đơn vị: tuổi)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm nước** | **Nước** | **Năm 2005** | **Năm 2010** | **Năm 2014** |
| Phát triển | Ca - na - đa | 80 | 81 | 81 |
| Nhật Bản | 82 | 83 | 83 |
| Phần Lan | 79 | 80 | 81 |
| Đang phát triển | Mô - dăm - bích | 42 | 48 | 53 |
| Ha - i - ti | 52 | 61 | 63 |
| In - đô - nê - xi - a | 68 | 71 | 71 |
| Thế giới | - | 67 | 69 | 71 |

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

**A.** Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển

**B.** Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng chậm hơn các nước phát triển

**C.** Các nước đang phát triển, tuổi thọ trung bình của người dân không tăng

**D.**Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng

**Câu 16:** Dầu khí là nguồn tài nguyên có giá trị quyết định đối với sự phát triển kinh tế của vùng

**A.**Bắc Phi. **B.** Nam Phi.

**C.** Đông Phi. **D.** Tây Phi

**Câu 17:** Vùng núi lớn nhất ở Mĩ Latinh là

**A.**Anđét. **B.** Anpơ.

**C.** Antai. **D.** Coođie.

**Câu 18:** Quốc gia nào sau đây **không** thuộc khu vực Tây Nam Á?

**A.**Ca - dắc - xtan. **B.** Ả - rập - Xê út.

**C.** Ba - ranh. **D.** Ca - ta.

**Câu 19:** Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi chủ yếu mang lại lợi ích cho

**A.** các nước có tài nguyên. **B.** người lao động nghèo.

**C.**công ty tư bản nước ngoài. **D.** một nhóm người lao động.

**Câu 20:** Nhận xét nào đúng về vị trí địa lí của Mĩ La tinh?

**A.**Nằm giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**B.** Phía Tây tiếp giáp Đại Tây Dương.

**C.** Nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

**D.** Phía Đông giáp Thái Bình Dương.

**Câu 21:** Ở Mĩ La tinh, rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm tập trung chủ yếu ở vùng nào?

**A.**Đồng bằng A - ma - zôn. **B.** Đồng bằng Pam - pa.

**C.** Vùng núi An - đét. **D.** Đồng bằng La Pla - ta.

**Câu 22:** Phần lớn lãnh thổ châu Phi có cảnh quan

**A.**hoang mạc, bán hoang mạc và xa van.

**B.** bán hoang mạc, xa van và cây bụi gai.

**C.** xa van, cây bụi gai và rừng nhiệt đới.

**D.** rừng nhiệt đới ẩm và bán hoang mạc.

**Câu 23:** Các loại tài nguyên đang bị khai thác mạnh ở châu Phi là

**A.** rừng và đất trồng. **B.** nước và khoáng sản.

**C.** đất trồng và nước. **D.**khoáng sản và rừng.

**Câu 24:** Dân cư Mĩ la tinh có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Gia tăng dân số thấp. **B.** Tỉ suất nhập cư lớn

**C.**Tỉ lệ dân thành thị cao. **D.** Dân số đang trẻ hóa.

**Câu 25:** Sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng của Mĩ Latinh là

**A.** cây lương thực. **B.**cây công nghiệp.

**C.** cây thực phẩm. **D.** các loại gia súc.

**Câu 26:** ở Tây Nam Á, yếu tố tinh thần có ảnh hưởng bao trùm đến toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của khu vực là

**A.** Văn học. **B.** Nghệ thuật.

**C.**Tôn giáo. **D.** Bóng đá.

**Câu 27:** Vấn đề kinh tế - xã hội còn tồn tại lớn nhất ở các nước Mĩ La tinh hiện nay là

**A.**tình trang đô thị hóa tự phát.

**B.** xung đột về sắc tôc, tôn giáo.

**C.** sự phân hóa giàu nghèo rất sâu sắc.

**D.** sự suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 28:** Điểm khác biệt cơ bản về kinh tế - xã hội của các nước châu Phi so với các nước Mĩ Latinh là

**A.** nợ nước ngoài lớn.

**B.**xung đột sắc tộc thường xuyên.

**C.** khai khoáng và trồng cây công nghiệp để xuất khẩu.

**D.** dân số tăng nhanh, đô thị hoá gay gắt.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm):** Trình bày những nét chính về dân cư và xã hội Mĩ la tinh.

**Câu 2 (1,5 điểm):** Vì sao kinh tế Mĩ la tinh phát triển không ổn định?

**C. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ SỐ 01**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| ĐA | C | D | B | A | D | C | B | A | C | D | A | B | D | C |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| ĐA | D | A | D | D | A | D | B | A | D | D | B | B | A | D |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1** | **Đặc điểm dân cư và xã hội Châu Phi**  - Đông dân và tăng nhanh (d/c)  - Tuổi thọ trung bình thấp…  - Trình độ dân trí thấp…  - Bệnh tật, xung đột sắc tộc thường xuyên xảy ra.  - Mức sống thấp, chỉ số HDI thấp.  - Các vấn đề khác… | **1,5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Giải pháp để Châu Phi khắc phục khó khăn trong quá trình khai thác, bảo vệ tài nguyên**  - Khai thác, sử dụng hợp lí TNTN.  - Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế sự khô hạn.  - Tăng cường sự ủng hộ, giúp đỡ của thế giới.  - Áp dụng tiến bộ KH - KT…  - Phát triển giáo dục, nâng cao dân trí…  - Các giải pháp khác… | **1,5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**ĐỀ SỐ 02**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| ĐA | A | C | D | C | C | A | C | A | D | A | B | C | B | A |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| ĐA | D | A | A | A | C | A | A | A | D | C | B | C | A | B |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1** | **Trình bày những nét chính về dân cư và xã hội Mĩ la tinh.**  - Tỉ lệ người nghèo cao.  - Chênh lệch giàu nghèo lớn.  - Tỉ lệ dân thành thị cao.  - Đô thị hóa tự phát diễn ra rất mạnh.  - Xã hội có nhiều bất ổn.  - Các vấn đề khác. | **1,5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Nguyên nhân khiến kinh tế Mĩ La Tinh phát triển không ổn định**  - Do phụ thuộc vào tư bản nước ngoài.  - Duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian quá dài.  - Sự bảo thủ của các thế lực Thiên chúa giáo.  - Chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế - xã hội độc lập, tự chủ.  - Do tình hình chính trị - xã hội không ổn định.  - Các nguyên nhân khác… | **1,5**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**3.4. Nhận xét, đánh giá:**

- GV: Nhận xét, đánh giá tiết kiểm tra.

- Rút kinh nghiệm

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Chuẩn bị bài mới: Tìm hiểu về địa lí khu vực và các quốc gia.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 11. BÀI 6. HỢP CHÚNG QUỐC HOA KÌ**

**TIẾT 1: TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết được VTĐL, phạm vi lãnh thổ Hoa Kì.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, TNTN (giàu TN nhưng DS đông, kinh tế phát triển nên nhu cầu sử dụng năng lượng lớn nhất TG)và phân tích được những thuận lợi và khó khăn của chúng đối với sự phát triển KT của Hoa Kì.

- Phân tích được đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của dân cư đối với phát triển kinh tế.

- Ghi nhớ các địa danh: dãy A - pa - lat, hệ thống Cooc - đi - e, sông Mi - xi - xi - pi, Hồ lớn, thủ đô Oa - sinh - tơn, thành phố Niu I - ooc, thành phố Xan Phran - xico.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**Không kiểm tra.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**HS gợi nhớ lại những kiến thức về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên của Hoa Kì đã học ở bậc THCS. Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học choHS.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu một số hình ảnh về tiêu biểu về đất nước Hoa Kì. Dựa vào một số hình ảnh được quan sát hãy cho biết những bức ảnh đó đang nói về đất nước nào?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đặc điểm về lãnh thổ và vị trí địa lí**

**a) Mục tiêu:**HS biết được vị trí, phạm vi lãnh thổ Hoa Kì. Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, phạm vi lãnh thổ của Hoa Kì.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **I. Lãnh thổ và vị trí địa lí**  **1. Lãnh thổ**  - Trung tâm Bắc Mĩ ⇒ lãnh thổ cân đối ⇒ thuận lợi cho phân bố SX và phát triển GT  - Bán đảo A - lax - ca và Haoai  **2. Vị trí địa lí**  - Nằm ở Tây bán cầu  - Giữa 2 đại dương: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương.  - Tiếp giáp Canada và Mĩ La Tinh. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1: Sử dụng bản đồ Tây bán cầu, xác định vị trí địa lí của Hoa Kì?

+ Câu hỏi 2: Vị trí địa lí có thuận lợi gì để phát triển kinh tế?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm về ĐKTN**

**a) Mục tiêu:**Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. HS sử dụng bản đồ Hoa Kì để phân tích đặc điểm địa hình và sự phân bố khoáng sản, phân tích tư liệu về đặc điểm tự nhiên.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**II. Điều kiện tự nhiên**

**1. Phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mĩ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm tự nhiên** | **Tây** | **Trung tâm** | **Đông** |
| Địa hình, đất đai | Các dãy núi trẻ cao, theo hường bắc - nam, xen giữa là bồn địa, cao nguyên  Ven Thái Bình dương có đồng bằng nhỏ | Phía bắc là gò đồi thấp, phía nam là đồng bằng phù sa màu mỡ | Núi trung bình, sườn thoải, nhiều thung lũng cắt ngang  Đồng bằng phù sa ven biển rông màu mỡ |
| Sông ngòi | Nguồn thủy năng phong phú | Hệ thống sông Mit - xi - xi - pi | Nguồn thủy năng phong phú |
| Khí hậu | Ven biển: cận nhiệt và ôn đới hải dương  Nội địa: hoang mạc và bán hoang mạc | Phía bắc: ôn đới  Phía nam: cận nhiệt | Cận nhiệt và ôn đới hải dương |
| Khoáng sản | Kim loại màu | Phía bắc: than, sắt  Phía nam: dầu khí | Than, sắt |
| Giá trị KT | - CN luyện kim màu, năng lượng  - Chăn nuôi | - Thuận lợi trồng trọt  - CN luyện kim đen, năng lượng | - Thuận lợi trồng trọt  - CN luyện kim đen, năng lượng |

**2. A - la - xca và Haoai**

- A - la - xca: đồi núi, giàu có về dầu khí

- Haoai: nằm giữa Thái Bình Dương, phát triển du lịch và hải sản.

\* Tích hợp SD năng lượng tiết kiệm, hiệu quả: Hoa Kì rất giàu TN năng lượng (KS: dầu mỏ, tiềm năng thủy điện…) nhưng DS đông, kinh tế phát triển nên nhau cầu NL lớn. Vấn đề NL cũng là VĐ lớn của HK.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập:

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm tự nhiên** | **Tây** | **Trung tâm** | **Đông** |
| Địa hình, đất đai |  |  |  |
| Sông ngòi |  |  |  |
| Khí hậu |  |  |  |
| Khoáng sản |  |  |  |
| Giá trị KT |  |  |  |

+ Nhóm 1: tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên của miền Tây

+ Nhóm 2: tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên của vùng trung tâm

+ Nhóm 3: tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên của miền đông

+ Nhóm 4: tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên của bán đảo Alaxca và quần đảo Ha - oai

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm về dân cư**

**a) Mục tiêu:**HS phân tích được đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của dân cư tới phát triển kinh tế.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **III. Dân cư**  **1. Gia tăng dân số**  - Dân số đứng thứ 3 TG  - DS tăng nhanh, phần nhiều do nhập cư, chủ yếu từ Châu Âu, Mĩ La Tinh, Á  - Người nhập cư đem lại nguồn tri thức, vốn và lực lượng lao động  **2. Thành phần dân cư**  - Đa dạng:  + Có nguồn gốc chủ yếu từ Châu Âu  + Gốc chấu Á và Mĩ La Tinh đang tăng mạnh  + Dân Anhđiêng còn 3 triệu người  **3. Phân bố dân cư**  - Tập trung ở:  + Vùng Đông Bắc và ven biển  + Sống chủ yếu ở các đô thị  - Dân cư có xu hướng chuyển từ Đông Bắc xuống phíaNam và ven TBD |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Dựa vào bảng 6.1/39, nhận xét sự gia tăng dân số của Hoa Kì? ⇒ nguyên nhân, bảng 6.2, biểu hiện già hóa dân số?

+ Nhóm 2: Dựa vào nội dung SGK/39 tìm hiểu thành phần dân cư.

+ Nhóm 3: Dựa vào nội dung SGK/40 và hình 6.3, nhận xét phân bố dân cư? ⇒ nguyên nhân?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi 1. Phân tích vị trí địa lí của Hoa Kì có thuận lợi gì đối với phát triển kinh tế?

\* Câu hỏi 2. Phân tích sự phân hóa về điều kiện tự nhiên của Hoa Kì thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế

\* Câu hỏi 3: So sánh đặc điểm hình dạng lãnh thổ và phân hóa tự nhiên của Hoa Kì và Việt Nam.

\* Câu hỏi 4: Phân tích đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của dân cư tới phát triển kinh tế?

- Câu hỏi 1:

+ Nằm ở bán cầu Tây ⇒ Tránh được sự tàn phá của hai cuộc chiến tranh thế giới, làm giàu từ chiến tranh.

+ Nằm giữa 2 đại dương lớn ĐTD, TBD và nằm ở trung tâm lục địa BM =>giao lưu kinh tế bằng đường biển và đường bộ.

+ Giáp Ca - na - đa và khu vực Mĩ La tinh ⇒ thị trường và nguồn cung cấp tài nguyên rộng lớn

- Câu hỏi 2:

**+ Thuận lợi:**

>Tài nguyên khoáng sản phong phú và có trữ lượng lớn phát triển công nghiệp.

>Diện tích rừng lớn, nhiều ngư trường phát triển công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến lâm - thủy sản.

>Diện tích đất nông nghiệp rộng lớn, khí hậu đa dạng phát triển nhiều loại nông sản.

>Diền tích đồi, đồng cỏ rộng lớn phát triển chăn nuôi gia súc lớn.

**+ Khó khăn:**

>Phía tây: vùng núi cao ảnh hưởng tới giao thông vào trong lục địa có khí hậu hoang mạc, bán hoang mạc khắc nghiệt.

>Vùng trung tâm: Lũ lụt ở sông Mississipi, mùa đông phía bắc thời tiết lạnh giá.

>Nằm trên vành đai động đất đông TBD xảy ra các hiện tượng động đất núi lửa.

- Câu hỏi 3:

+ Giống nhau

>Có các dạng địa hình: núi, đồng bằng, cao nguyên, sơn nguyên và nhiều con sông lớn

>Các dạng địa hình có sự phân hóa theo Đông - Tây và Bắc - Nam.

>Đều tiếp giáp với Thái Bình Dương

- Khác nhau

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoa Kì** | **Việt Nam** |
| - Hình dạng lãnh thổ khác cân đối  - Giáp biển ở cả phía Đông và phía Tây.  - Phân hóa địa hình  + Phía Tây là hệ thống núi trẻ cao đồ sộ.  + Ở giữa là đồng bằng.  + Phía Đông là hệ thống núi già. | - Hình dạng lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc - Nam hẹp theo chiều Đông - Tây.  - Giáp biển ở phía Đông và Nam.  - Phân hóa địa hình:  + Phía Tây là địa hình núi.  + Phía Đông là hệ thống đồng bằng. |

- Câu hỏi 4:

+ Dân số đông thứ 3 thế giới (313,8 triệu 2012).

+ Dân số tăng nhanh chủ yếu do nhập cư.

+ Người nhập cư đem lại nguồn lao động, vốn, tri thức.

+ Dân số đang có xu hướng già đi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học được để giải thích một số loại thiên tai của Hoa Kì.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi 1: Vì sao ở đồng bằng trung tâm Hoa Kì thường xuyên xuất hiện nhiều vòi rồng và lốc xoáy?

\* Câu hỏi 2: Vì sao lãnh thổ Hoa Kì lại có phần bán đảo Alatka ở phía Bắc?

Trả lời câu hỏi:

\* Câu hỏi 1:

. - Do địa hình trung tâm Hoa Kì có dạng hình máng theo hướng Bắc - Nam, mà phía Bắc là khí hậu ôn đới, phía nam là khí hậu cận nhiệt, không khí dễ dàng di chuyển tạo nên sự xáo động.

- Khi không khí ở lớp bên trên lạnh đè lên lớp không khí nóng ở phía dưới, không khí nóng sẽ bị cưỡng bức chuyển động lên rất mạnh hình thành nên những lốc xoáy lớn.

\* Câu hỏi 2:

- Vì khó khăn tài chính và lo ngại không phòng thủ được Alaska, Nga triều có ý định bán nhượng lãnh thổ xa xôi ở Bắc Mỹ vào giữa thế kỷ 19. Cùng lúc đó Anh đang mở tầm ảnh hưởng ở tây Canada. Nga lo là sẽ mất trắng Alaska nếu có xung đột quân sự với Anh. Vì lẽ đó, Nga hoàng Aleksandr II quyết định bán vùng đất này cho Hoa Kỳ, và chỉ thị cho đại sứ Nga tại Hoa Kỳ là Eduard de Stoeckl, tiến hành thương thuyết với Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ vào tháng 3 năm 1867.

- Cuộc thương thuyết kết thúc sau một cuộc hội đàm kéo dài thâu đêm, chấm dứt vào 4 giờ sáng ngày 30 tháng 3 khi hai bên hạ bút ký tờ hiệp địnhvới giá mua là 7,2 triệu dollar (bình quân là khoảng 1,9 cent một acre).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Tìm hiểu quy mô và các ngành kinh tế của Hoa Kì.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 12. BÀI 6. HỢP CHÚNG QUỐC HOA KÌ (TIẾP THEO)**

**TIẾT 2. KINH TẾ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày và giải thích được đặc điểm kinh tế, vai trò của một số ngành KT chủ chốt (DV, CN - đang sản xuất điện từ năng lượng địa nhiệt, gió, mặt trời để tiết kiệm năng lượng), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hóa lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kì.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**

- Câu hỏi: Phân tích những thuận lợi của vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển nông nghiệp, công nghiệp ở Hoa Kì?

- Đáp án: Thuận lợi:

\* Vị trí địa lí:

- Đường bờ biển dài, tiếp giáp với hai đại dương lớn thuận lợi cho phát triển tổng hợp kinh tế biển và giao lưu kinh tế với các quốc gia trong khu vực và toàn thế giới, đặc biệt là các nước Đông Á và Tây Âu.

- Tiếp giáp Ca - na - đa và Mĩ LaTinh là những thị trường tiêu thụ rộng lớn, nguồn nguyên liệu giàu có.

- Nằm trong vùng khí hậu ôn đới, không quá khắc nghiệt, thuận lợi cho phát triển kinh tế.

\* Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

- Địa hình:

+ Vùng đồng bằng ven biển Đại Tây Dương có diện tích lớn, màu mỡ, khí hậu ôn đới và cận nhiệt thuận lợi cho phát triển các loại cây lương thực, cây ăn quả….

+ Địa hình gò đồi, các đồng cỏ ở vùng trung tâm thuận lợi cho phát triển chăn nuôi gia súc.

- Khí hậu: Khí hậu ôn đới hải dương và cận nhiệt cho phép phát triển nhiều loại cây lương thực, ăn quả.

- Khoáng sản: Giàu tài nguyên khoáng sản với các mỏ kim loại màu ở phía Tây (như vàng, đồng, chì), than đá, quặng sắt với trữ lượng lớn, dầu mỏ, khí tư nhiên ở phía nam… thuận lợi cho phát triển công nghiệp khai khoáng.

- Sông ngòi: vùng núi phía Tây là thượng nguồn của nhiều con sông lớn, nguồn thủy năng dồi dào giúp phát triển thủy điện.

- Rừng: Diện tích rừng tự nhiên ở miền núi phía còn lớn, cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến.

- Biển: Đường bờ biển dài, ven biển có nhiều bãi tắm - hòn đảo, các bãi tôm bãi cá phong phú, gần các tuyến hàng hải quốc tế, thuận lợi cho phát triển tổng hợp kinh tế biển.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**HS gợi nhớ lại những kiến thức về kinh tế của đất nước Hoa Kì đã học ở bậc THCS và bổ sung, khắc sâu những kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chiếu bảng số liệu về quy mô kinh tế và một số sản phẩm của Hoa Kì trên thế giới. GV yêu cầu HS nêu những đặc điểm về kinh tế của Hoa Kì?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về quy mô nền kinh tế Hoa Kì**

**a) Mục tiêu:**HS trình bày được đặc điểm kinh tế. Biết phân tích bảng số liệu, tư liệu về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế Hoa Kì.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**I. Quy mô nền kinh tế**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Toàn thế giới | Hoa Kì | Châu Âu | Châu Á | Châu Phi |
| Tỉ trọng GDP (%) | 100, 0 | 28, 5 | 34, 6 | 24, 7 | 1, 9 |

- Nền kinh tế Hoa Kì lớn nhất TG tổng GDP chiếm 28, 5% toàn TG, lớn hơn GDP của Châu Á, gấp 15 lần GDP của Châu Phi.

- Nguyên nhân:

+ Tài nguyên thiên nhiên đa dạng, trữ lượng lớn.

+ Nguồn lao động dồi dào, có trình độ cao.

+ Không bị tàn phá bởi chiến tranh thế giới.

+ Chính sách phát triển kinh tế đúng đắn.

+ Thị trường tiêu thụ rộng lớn…

- Nền kinh tế thị trường điển hình.

- Nền kinh tế mang tính chuyên môn hoá cao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS dựa vào bảng 6.3 (SGK - 41), hoàn thành phiếu học tập về tỉ trọng GDP của Hoa Kì, sau đó rút ra nhận xét về quy mô nền kinh tế Hoa Kì:

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Toàn thế giới | Hoa Kì | Châu Âu | Châu Á | Châu Phi |
| Tỉ trọng GDP (%) |  |  |  |  |  |

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về các ngành kinh tế**

**a) Mục tiêu:**HS trình bày và giải thích được đặc điểm kinh tế, vai trò của một số ngành kinh tế chủ chốt, sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hóa lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kì. Sử dụng bản đồ Hoa Kì để phân tích đặc điểm phân bố các ngành công nghiệp, các sản phẩm nông nghiệp chính. Phân tích bảng số liệu, tư liệu về đặc điểm kinh tế Hoa Kì. So sánh sự khác biệt các vùng nông nghiệp, các vùng công nghiệp.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **II. Các ngành kinh tế**  **1. Dịch vụ:** Phát triển mạnh chiếm tỉ trọng cao 79. 4% GDP - năm 2004  a. Ngoại thương  - Đứng đầu TG  b. Giao thông vận tải  - Hệ thống đường và phương tiện hiện đại nhất TG  c. Các ngành tài chính, thông tin liên lạc, du lịch  - Ngành ngân hàng và tài chính hạot động khắp TG, tạo nguồn thu và lợi thế cho KT Hoa Kì  - Thông tin liên lạc rất hiện đại.  - Ngành DL phát triển mạnh.  **2. Công nghiệp:** là ngành tạo nguồn hàng XK chủ yếu  - Tỉ trọng trong GDP giảm dần: 19, 7% năm 2004  - 3 nhóm:  + CN chế biến chiếm chủ yếu về xuất khẩu và lao động  + CN điện  + CN khai khoáng  - Giảm tỉ trọng các ngành truyền thống tăng  các ngành hiện đại  - Phân bố:  + Trước đây: tập trung ở Đông Bắc với các ngành truyền thống  + Hiện nay: mở rộng xuống phái nam và Thái Bình Dương với các ngành hiện đại  **3. Nông nghiệp**: đứng hàng đầu TG  - Chiếm tỉ trọng nhỏ 0, 9% năm 2004  - Cơ cấu có sự chuyển dịch: giảm thuần nông tăng dịch vụ NN  - Phân bố: đa dạng hóa nông sản trên cùng lãnh thổ ⇒ các vành đai chuyên canh ⇒ vùng SX nhiều lọai nông sản theo mùa vụ  - Hình thức: chủ yếu là trang trại: số lượng giảm dần nhưng diện tích trung bình tăng  - Nền NN hàng hóa hình thành sớm và phát triển mạnh  - Là nước XK nông sản lớn.  - NN cung cấp nguyên liệu cho CN chế biến. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chia lớp thành 6 nhóm để hoàn thành phiếu học tập và yêu cầu các nhóm lấy ví dụ minh họa các công ty, sản phẩm các ngành đang có mặt tại VN?

+ Nhóm 1,2 tìm hiểu về dịch vụ Hoa Kì.

+ Nhóm 3,4 tìm hiểu về công nghiệp Hoa Kì.

+ Nhóm 5, 6 tìm hiểu về nông nghiệp Hoa Kì.

**PHIẾU HỌC TẬP**

**Đặc điểm các ngành KT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các ngành** | **Đặc điểm** |
| Dịch vụ |  |
| Công nghiệp |  |
| Nông nghiệp |  |

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi 1. Trình bày quy mô nền kinh tế Hoa Kì.

\* Câu hỏi 2: Kể tên một số sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp của Hoa Kì.

\* Câu hỏi 3: Trình bày các ngành kinh tế Hoa Kì?

\* Câu hỏi 4: Trình bày sự phân hóa nông nghiệp, công nghiệp của Hoa Kì?

\* Trả lời câu hỏi:

**+** Câu hỏi 1:

- Hoa Kì thành lập năm 1776 nhưng đến năm 1890 kinh tế đã vượt qua Anh, Pháp để giữ vị trí đứng đầu thế giới cho đến ngày nay.

- So với GDP của các Châu lục, GDP của Hoa Kì bằng:

82.5% Châu Âu.

115.6%. Châu Á.

1476.3% Châu Phi.

**+** Câu hỏi 2:

- Một số sản phẩm nông nghiệp: Cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả.

- Một số ngành công nghiệp: Sản xuất ôtô, chế tạo máy bay, chế tạo tên lửa vũ trụ…

**+** Câu hỏi 3:

- Dịch vụ: Phát triển mạng gồm ngoại thương, giao thông vận tải, tài chính, thông tin liên lạc, du lịch.

- Công nghiệp: Công nghiệp chế biến, công nghiệp điện lực, công nghiệp khai khoáng.

- Nông nghiệp: Cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, gia súc.

**+** Câu hỏi 4:

- Nông nghiệp: Đa dạng hóa các sản phẩm và tập chung thành các vành đai, các vùng sản xuất nông nghiệp (lâm nghiệp ở phía tây, lúa gạo và cây ăn quả nhiệt đới ở phía nam và rìa TBD, cây ăn quả và rau xanh ở phía đông bắc và ngũ hồ…)

Công nghiệp: Tâp chung chủ yếu ở đông bắc, phía nam và rìa phía tây.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để biết cách so sánh GDP của Hoa Kì với thế giới và một số châu lục, nhận xét sản lượng một số sản phẩm công nghiệp Hoa Kì.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi 1: So sánh GDP của Hoa Kì với thế giới và một số châu lục:

\* Câu hỏi 2: Nhận xét về sản lượng của một số sản phẩm công nghiệp Hoa Kì?

\* Trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1:

- GDP của Hoa Kì có giá trị rất lớn so với thế giới và các châu lục:

GDP Hoa Kì đạt 11667,5 tỉ USD = 28,54% của thế giới

82,5% châu Âu

1,16 lần châu Á

14,76 lần châu Phi

+ Câu hỏi 2:

- Nhiều sản phẩm công nghiệp của Hoa Kì có sản lượng và thứ hạng cao trên thế giới như:

Điện (3979 tỉ kWh), ôtô (16,8 triệu chiếc) đứng đầu thế giới

Than đá (1069 triệu tấn), khí tự nhiên (531 tỉ m3) đứng thứ 2 thế giới

Dầu thô (437 triệu tấn) đứng thứ 3 thế giới…

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Xem trước các bản đồ phân bố công nghiệp và nông nghiệp Hoa Kì.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 13. BÀI 6. HỢP CHÚNG QUỐC HOA KÌ (TIẾP THEO)**

**TIẾT 3. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ SẢN XUẤT CỦA HOA KÌ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Xác định được sự phân bố một số nông sản và các ngành CN chính của Hoa Kì, những nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố đó.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**

\* Câu hỏi: Trình bày các ngành kinh tế của Hoa Kì?

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**HS nhớ lại những kiến thức về điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sự phát triển và phân bố nông nghiệp, công nghiệp đã được học. Rèn luyện kĩ năng so sánh, thông qua đó biết được trên bản đồ đối tượng địa lí đó được biểu hiện bằng phương pháp nào. Bổ sung và khắc sâu kiến thức cho HS.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu bản đồ tự nhiên Hoa Kì. GV đặt câu hỏi: Nêu các đặc điểm tự nhiên của Hoa Kì, các đặc điểm đó thuận lợi cho phát triển ngành nông nghiệp, công nghiệp nào?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp và công nghiệp**

**a) Mục tiêu:**HS trình bày và giải thích được sự phân bố của công nghiệp và nông nghiệp. Sử dụng bản đồ Hoa Kì để phân tích đặc điểm phân bố các ngành công nghiệp, các sản phẩm nông nghiệp chính.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**1. Sự phân hóa lãnh thổ nông nghiệp:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nông sản**  **chính** | | **Cây lương thực** | **Cây công nghiệp và**  **cây ăn quả** | **Gia súc** |
| **Phía Đông** | | Lúa mì, lúa gạo, ngô | Đỗ tương, bông, thuốc lá, rau quả cận nhiệt và ôn đới. | Bò thịt, bò sữa |
| **Trung tâm** | Các bang phía Bắc | Lúa mạch, ngô | Củ cải đường, rau, cây ăn quả ôn đới. | Bò,  lợn |
| Các bang ở giữa | Lúa mì và ngô | Đỗ tương, bông, thuốc lá | Bò |
| Các bang phía Nam | Lúa gạo, ngô | Nông sản nhiệt đới | Bò, lợn |
| **Phía Tây** | | Lúa gạo | Lâm nghiệp, đa canh | Bò, lợn |
| **\* Nguyên nhân:**  - Sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp Hoa Kì chịu tác động của các nhân tố: địa hình, đất đai, nguồn nước, khí hậu, thị trường tiêu thụ…  - Tuỳ theo từng khu vực mà có một số nhân tố đóng vai trò chính. | | | | |

**2. Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Vùng Đông Bắc** | **Vùng phía Nam** | **Vùng phía Tây** |
| **Các ngành CN truyền thống** | Hoá chất, thực phẩm, luyện kim, đóng tàu, dệt, cơ khí. | Đóng tàu, thực phẩm, dệt, cơ khí | Đóng tàu, luyện kim màu, cơ khí |
| **Các ngành CN hiện đại** | Điện tử viễn thông, sản xuất ô tô. | Chế tạo máy bay, tên lửa vũ trụ, hoá dầu, điện tử viễn thông, sản xuất ô tô. | Điện tử, viễn thông, chế tạo máy bay, sản xuất ô tô |
| **\* Nguyên nhân:** Sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp Hoa Kì là kết quả tác động đồng thời của các yếu tố: - Lịch sử khai thác lãnh thổ.  - Vị trí địa lí của vùng.  - Nguồn tài nguyên khoáng sản.  - Dân cư và lao động.  - Mối quan hệ với thị trường thế giới. | | | | |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS lập bảng theo mẫu trong SGK/ 45, 46, chia lớp thành 5 nhóm và giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm:

+ Nhóm 1: Điền vào bảng sự phân bố cây lương thực (bảng SGK trang 45), dựa vào hình 6.6.

+ Nhóm 2: Điền vào bảng sự phân bố cây công nghiệp và cây ăn quả (bảng SGK trang 45) dựa vào hình 6.6.

+ Nhóm 3: điền vào bảng sự phân bố của gia súc (bảng SGK trang 45) dựa vào hình 6.6.

+ Nhóm 4: Điền vào bảng sự phân bố các ngành công nghiệp truyền thống (bảng SGK trang 46), dựa vào hình 6.7.

+ Nhóm 5: điền vào bảng sự phân bố các ngành công nghiệp hiện đại (bảng SGK trang 46), dựa vào hình 6.7

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Sự phân bố các vùng sản xuất nông nghiệp chính của Hoa Kì:

\* Trả lời câu hỏi:

- Vùng lâm nghiệp tập trung ở phía tây và một số nơi ở đông nam.

- Vùng trồng lúa mì, ngô, củ cải đường và chăn nuôi bò, lợn tập trung ở trung tâm, phía bắc.

- Vùng trồng lúa gạo và cây ăn quả nhiệt đới ở trung tâm, phía nam; ở Ca - li - phooc - ni - a, duyên hải phía nam, sát vịnh Mê - hi - cô.

- Vùng trồng cây ăn quả và rau xanh ở Ngũ Hồ và ở đông bắc, ở duyên hải phía đông xung quanh thủ đô Oa - sinh - tơn và phía đông Viêc - gi - ni - a, Ca - rô - li - na bắc.

- Vùng trồng lúa mì và chăn nuôi bò ở phía đông.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để phân tích được cá điều kiện ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp Hoa Kì.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Phân tích các điều kiện ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp Hoa Kì

\* Trả lời câu hỏi:

+ Điều kiện tự nhiên thuận lợi và kĩ thuật tiên tiến. có tỉ lệ lao động trong nông nghiệp rất thấp nhưng sản xuất ra khối lượng nông sản rất lớn.

+ Có diện tích đất nông nghiệp lớn, nhờ đó đã phát triển được nền nông nghiệp hàng hoá với quy mô lớn.

+ Các trung tâm khoa học hỗ trợ đắc lực cho việc tăng năng suất cây trồng và vật nuôi, công nghệ sinh học được ứng dụng mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp. Hoa Kì có số máy nông nghiệp đứng đầu thế giới, lượng phân bón sử dụng đạt 500 kg/ha.

+ Là những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu của thế giới.

​ + Những nước đi đầu thực hiện cuộc Cách mạng xanh, đảm bảo được lương thực trong nước

- Khó khăn:

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mĩ cũng có những hạn chế: nhiều nông sản có giá thành cao nên thường bị cạnh tranh mạnh trên thị trường, việc sử dụng nhiều phân hoá học và thuốc trừ sâu đã có những tác động xấu tới môi trường..

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị nội dung bài mới: Chủ đề: Liên minh Châu Âu (EU).

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 14 + 15 + 16. CHỦ ĐỀ: LIÊN MINH CHÂU ÂU**

**(Thời lượng: 3 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được lí do hình thành, quy mô, vị trí, mục đích, thể chế hoạt động của EU.

- Phân tích được vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới: trung tâm kinh tế và tổ chức thương mại hàng đầu của thế giới.

- Trình bày được biểu hiện của mối liên kết toàn diện giữa các nước trong EU

+ Lưu thông tự do về hàng hóa, lao động, dịch vụ, tiền vốn giữa các nước thành viên; tạo thị trường chung thống nhất.

+ Hợp tác trong sản xuất và dịch vụ: ví dụ sản xuất tên lửa đẩy Arian, sản xuất máy bay E - bớt, XD đường hầm dưới biển Măng - sơ, liên kết sâu rộng về kinh tế, xã hội và văn hóa trên cơ sở tự nguyện vì lợi ích chung của các bên tham gia qua XD liên kết vùng ở Châu Âu.

- Ghi nhớ địa danh: vùng Maxơ - Rainơ.

- Trình bày được ý nghĩa của việc hình thành một EU.

- Chứng minh được vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**Không kiểm tra.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:**Rèn luyện kĩ năng đọc, xử lí thông tin choHS.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu một số hình ảnh về liên minh Châu Âu. Yêu cầu HS tìm hiểu và giới thiệu những nét khái quát về EU?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về sự ra đời và phát triển EU**

**a) Mục tiêu:**HS trình bày được lí do hình thành và phát triển EU.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **I. Quá trình hình thành và phát triển**  **1. Sự ra đời và phát triển EU**  - Lí do hình thành:  + Do xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa  + Tăng khả năng cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế phát triển  - Sự hình thành (sự ra đời):  Năm 1967 cộng đồng Châu Âu (EC) được thành lập trên cơ sở hợ nhất một số tổ chức kinh tế.  Năm 1993, với hiệp ước Ma - xtrich, CĐ Châu Âu đổi thành liên minh Châu Âu (EU)  - Phát triển:  + Số lượng các thành viên liên tục tăng (EU6 lên EU 28)  + EU được mở rộng theo các hướng khác nhau trong không gian địa lý.  + Mức độ liên kết, thống nhất ngày càng cao |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1: Cho biết lí do hình thành EU và những mốc quan trọng trong quá trình hình thành EU?

+ Câu hỏi 2: Từ khi ra đời đến nay EU đã có những chuyển biến tích cực gì?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về mục đích và thể chế của EU**

**a) Mục tiêu:**HS trình bày được mục đích, thể chế hoạt động và biểu hiện của mối liên kết toàn diện giữa các nước trong EU.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **2. Mục đích và thể chế**  **a. Mục tiêu:**  Mục đích của EU là xây dựng và phát triển một khu vực mà ở đó, hàng hóa, dịch vụ, con người, tiền vốn được tự do lưu thông giữa các nước thành viên; tăng cường hợp tác, liên kết không chỉ về kinh tế, luật pháp, nội vụ mà còn trên cả lĩnh vực an ninh, đối ngoại.  **b. Thể chế:**  Hiện nay, nhiều vấn đề quan trọng về kinh tế và chính trị không phải do chính phủ của các quốc gia thành viên đưa ra mà do các cơ quan của EU quyết định (Hội đồng Châu Âu, Nghị viện Châu Âu, Hội đồng bộ trưởng EU, Ủy ban Liên minh Châu Âu). |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV quy định các nhóm bàn chẵn, lẻ và yêu cầu:

+ Các nhóm bàn chẵn: Dựa vào H7.3 trình bày những liên minh, hợp tác chính của EU?

+ Các nhóm bàn lẻ: Phân tích H7.4 nêu tên các cơ quan đầu não của EU và chức năng của các cơ quan này?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới**

**a) Mục tiêu:**HS phân tích được vai trò của Eu trong nền kinh tế thế giới: trung tâm kinh tế và tổ chức thương mại hàng đầu thế giới. Phân tích bảng số liệu, tư liệu về dân số của EU, cơ cấu GDP, một số chỉ tiêu về kinh tế để thấy được ỹ nghĩa của EU thống nhất, vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **II. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.**  **1. EU - Trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới**  EU là một trong 3 trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới:  - Đứng hàng đầu thế giới về GDP (2004 vượt HK và NB)  - Tuy diện tích chỉ chiếm 2, 2% S thế giới, dân số chiếm 7, 1% DS thế giới nhưng chiếm tới 31% tổng giá trị kinh tế thế giới, 37, 7% xuất khẩu của thế giới, 26% trong SX ụ tụ TG, tiêu thụ 19% năng lượng thế giới…  **2. EU - Trung tâm thương mại hàng đầu thế giới**  - EU chiếm 37, 7% xuất khẩu của thế giới.  - Tỉ trọng của Eu trong xuất khẩu của thế giới và tỉ trọng cuỉa XK trong GDP của EU (năm 2004) đều đứng đầu thế giới.  → Mặc dù chiếm diện tích nhỏ, dân số ít nhưng EU có vai trò to lớn trong nền kinh tế thế giới. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1 và 3: Dựa vào bảng7.1,H7.5 cùng KT SGK để chứng minh EU là trung tâm kinh tế hàng đầu TG?

+ Nhóm 2 và 4: Dựa vào bảng7.1,H7.5 cùng KT SGK để chứng minh EU là trung tâm thương mại hàng đầu thế giới?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về thị trường chung Châu Âu**

**a) Mục tiêu:**HS trình bày được một số biểu hiện về: Tự do lưu thông: hàng hoá, con người, dịch vụ, tiền vốn. Biết được ý nghĩa của việc sử dụng đồng tiền chung Euro.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **III. Thị trường chung châu Âu**  **1. Tự do lưu thông.**  Từ 1/1/1993 EU thiết lập một thi trường chung. Trong đó có 4 mặt tự do lưu thông:  **a. Tự do di chuyển**  Ở EU, quyền đi lại tự do, tự do cư trú, tự do lựu chọn nơi làm việc.  **b. Tự do lưu thông dịch vụ**  Tự do với các dịch vụ như: Vận tải, thông tin liên lạc, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch.  **c. Tự do lưu thông hàng hoá.**  Các sản phẩm hợp pháp của một số nước EU được tự do vận chuyển và bán trong toàn thị trưòng chung Châu Âu. Thuế giá trị gia tăng bị bãi bỏ.  **d. Tự do lưu thông tiền vốn.**  Các hạn chế đối với giao dịch thanh toán bị bãi bỏ. Các nhà đầu tự có thể lựu chọn khả năng đầu tư có lợi nhất, có thể mở tài khoản tại các ngân hàng nước ngoài thuộc EU.  **\* ý nghĩa của 4 mặt tự do lưu thông.**  - Xoá bỏ những trở ngại trong việc phát triển KT (Rào cản về thuế quan và thương mại). Các nước thành viên thực hiện chung một chính sách thương mại trong quan hệ buôn bán với các nước ngòài khối.  - Phát huy tối đa lợi thế nhân tài, vật lực, nguồn vốn cho sự phát triển chung của công đồng châu Âu. Từ đó tăng cường sức mạnh KT và khả năng cạnh tranh của EU so với các trung tâm KT lớn trên TG.  **2. Eurô (ơ - Rô) - Đồng tiền chung của EU.**  **a. Thực trạng sử dụng**  - 1/1/1999 các nước EU (11nước) đã bắt đầu SD đông Ơ - Rô nhưng dưới dạng không phải tiền mặt.  - Đến 2004 có 13 nước thành viên EU sử dụng.  **b. Lợi ích:**  - Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.  - Xoá bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.  - Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU  - Đơn giản hoá công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV quy định các nhóm bàn chẵn, lẻ và yêu cầu:

+ Các nhóm bàn chẵn: Tham khảo SGK cho biết ND cơ bản của 4 mặt tự do lưu thông và lợi ích của 4 mặt tự do lưu thông?

+ Các nhóm bàn lẻ: Cho biết thực trạng sử dụng và ý nghĩa của việc sử dụng chung đồng Ơ - Rô?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.5. Tìm hiểu về hợp tác trong sản xuất và DV của EU**

**a) Mục tiêu:**HS hiểu được hợp tác trong sản xuất và dịch vụ giữa các nước trong EU: hợp tác trong sản xuất máy bay E - bớt, đường hầm qua eo Măng - sơ, liên kết vùng Ma - xơ Rai - nơ đã đem lại lợi ích cho các nước thành viên. Phân tích được các sơ đồ, lược đồ có trong bài học.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**IV. Hợp tác trong sản xuất và dịch vụ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dự án - SP hợp tác** | **Các bên tham gia hợp tác** | **Lợi ích do dự án đem lại** |
| Sản xuất máy bay E - bơt | Pháp, Đức, Anh | Chế tạo thành công máy bay E - Bơt nổi tiếng, cạnh tranh có hiệu quả với Bôing của HK. |
| Đường hầm qua eo biển MS nối Á với phần châu Âu lục địa | Anh và Pháp | Hàng hoá được vận chuyển trực tiếp giữa Anh và phần châu Âu lục địa (Không cần phà) |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1 và 3: Tìm hiểu về việc hợp tác SX máy bay E - Bơt?

+ Nhóm 2 và 4: Tìm hiểu về việc hợp tác đường hầm xuyên biển Măng - Sơ?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.6. Tìm hiểu về liên kết vùng Châu Âu**

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **V. Liên kết vùng Châu Âu**  - Khái niệm: chỉ một khu vực biên giới của EU mà ở đó người dân các nước khác nhau tiến hành các hoạt động hợp tác, liên kết sâu rộng về các mặt kinh tế, xã hội, văn hóa trên cơ sở tự nguyện vì những lợi ích chung của các bên tham gia. Liên kết vùng có thể hoàn toàn nằm bên trong ranh giới EU hoặc có một phần nằm ngoài ranh giới EU - Lợi ích:  + Tăng cường quá trình liên kết và nhất thể hoá ở EU.  + Phát huy được những lợi thế riêng của mỗi nước.  + Tăng cường tinh thân đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân các nước trong khu vực. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi: Thế nào là liên kết vùng Châu Âu? Tại sao các nước EU phải phát triển các liên kết vùng?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.7. Thực hành: Tìm hiểu về liên minh châu Âu**

**a) Mục tiêu:**Trình bày được ý nghĩa của việc hình thành một EU thống nhất. Chứng minh được vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới. Rèn luyện các kĩ năng vẽ, phân tích biểu đồ, phân tích số liệu thống kê, xử lý tư liệu tham khảo và kĩ năng trình bày một vấn đề.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **VI. Thực hành**  **1. Ý nghĩa của việc hình thành một EU thống nhất:**  - Tăng cường tự do lưu thông về người, hành hoá, tiền tệ và dịch vụ.  - Thúc đẩy và tăng cường quá trình nhất thể hoá EU về các mặt kinh tế, xã hội.  - Tăng tiềm lực và khả năng cạnh tranh kinh tế của toàn khối.  **2. Vẽ biểu đồ và nhận xét:**  **a. Vẽ biểu đồ:**  Có thể lựu chọn hai cách vẽ: BĐ tròn và biểu đồ cột (Cột chồng, cột nhóm)  **b. Nhận xét:**  **-** EU chiếm 7, 1% dân số thế giới và 2, 2% diện tích nhưng chiếm tới 31 % GDP, 26% sản lượng ô tô, 37, 7% xuất khẩu, 19% mức tiêu thụ năng lượng của thế giới.  - Nếu so sánh với HK và NB, EU đó vượt lên đứng đầu thế giới về GDP, tổng giỏ trị XK (2004)  - Xét về nhiều chỉ số kinh tế, EU đó trở thành trung tõm kinh tế hàng đầu thế giới, vượt qua cả HK, NB. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1: Cho biết ý nghĩa của việc hình thành một EU thống nhất?

+ Câu hỏi 2: Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng GDP, dân số của EU và một số nước trên thế giới, năm 2004. Rút ra nhận xét.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ GV yêu cầu đại diện HS báo cáo kết quả (lần lượt báo cáo từng phần. Riêng phần vẽ BĐ yêu cầu 2 HS lên bảng vẽ).

+ Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1.** Hiệp ước Ma - xtrich quyết định vấn đề quan trọng gì ở châu Âu?

**A.** Thành lập cộng đồng Than và Thép châu Âu.

**B.** Thành lập cộng đồng kinh tế và Nguyên tử châu Âu.

**C.** Đổi tên cộng đồng châu Âu thành liên minh châu Âu.

**D.** Hợp nhất các tổ chức trước đó thành cộng đồng châu Âu.

**Câu 2.** Liên minh châu Âu được chính thức thành lập vào năm

**A.** 1951 **B.** 1957 **C.** 1967 **D.** 1993

**Câu 3.** Sự phát triển mạnh của liên minh châu Âu **không** biểu hiện ở ý nào sau đây?

**A.** Số lượng thành viên liên tục tăng.

**B.** Không ngừng mở rộng về không gian lãnh thổ.

**C.** Sự liên kết, hợp tác được mở rộng và chặt chẽ hơn.

**D.** Chênh lệch trình độ phát triển kinh tế ngày càng tăng.

**Câu 4.** EU đã làm gì để đảm bảo tự do lưu thông của các nước thành viên?

**A.** Đưa vào sử dụng đồng Ở - rô.

**B.** Thiết lập một thị trường chung.

**C.** Trợ giá cho các mặt hàng nông sản.

**D.** Tuân thủ đầy đủ quy định của WTO.

**Câu 5.** Thi trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thôngcho các thành viên về

**A.** tiền vốn, dịch vụ, y tế, quân sự.

**B.** dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục.

**C.** hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ.

**D.** con người, hàng không, dịch vụ, văn hóa.

**Câu 6.** Người dân của các nước thành viên EU có thể dễ dàng mở tài khoản tại các nước khác trong khối là biểu hiện của tự do

**A.** lưu thông tiền vốn. **B.** lưu thông dịch vụ.

**C.** lưu thông hàng hóa. **D.** di chuyển.

**Câu 7.** Tổ hợp công nghiệp hàng không E - bớt do các quốc gia nào sau đây sáng lập?

**A.** Đức, Pháp, Tây Ban Nha. **B.** Pháp, Đức, Hà Lan.

**C.** Anh, Pháp, Tây Ban Nha. **D.** Đức, Pháp, Anh.

**Câu 8.** Liên kết vùng Ma - xơ Rai - nơ thuộc các quốc gia nào dưới đây?

**A.** Pháp, Đức, Bỉ. **B.** Hà Lan, Bỉ, Đức

**C.** Hà Lan, Pháp, Đức. **D.** Đức, Pháp, Lúc - xămbua.

**Câu 9.** Một trong những thuận lợi của EU khi hình thành thị trường chung châu Âu là

**A.** tăng thêm diện tích và số dân của toàn khối.

**B.** tăng thêm nhu cầu trao đổi, buôn bán hàng hóa giữa các nước.

**C.** tăng thêm tiềm lực và khả năng cạnh tranh kinh tế của toàn khối.

**D.** gia tăng sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước trong khối.

**Câu 10.** Khó khăn của EU khi sử dụng đồng tiền chung là

**A.** tăng tính rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

**B.** gây trở ngại cho việc chuyển giao vốn trong EU.

**C.** gây nên tình trạng giá hàng tiêu dùng tăng cao và dẫn tới lạm phát.

**D.** làm phức tạp hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**Giải thích được thiết lập thị trường chung trong EU, ý nghĩa của việc phát triển vùng trong EU.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Vì sao EU thiết lập thị trường chung trong khối? Việc hình thành thị trường chung châu Âu và đưa vào sử dụng đồng tiền chung có ý nghĩa như thế nào đối với việc phát triển EU?

\* Trả lời câu hỏi

- EU thiết lập thị trường chung trong khối để:

>Xóa bỏ những trở ngại trong việc phát triển kinh tế trên cơ sở thực hiện bốn mặt của tự do lưu thông: tự do lưu thông con người, tự đo lưu thông hàng hóa, tự do lưu thông tiền vốn, tự do lưu thông dịch vụ.

>Tăng cường sức mạnh kinh tế và khả năng cạnh tranh của EU so với các trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

- Ý nghĩa của việc hình thành thị trường chung và đưa vào sử dụng đồng tiền chung:

>Tăng cường tự do lưu thông về người, hàng hóa, tiền tệ và dịch vụ.

>Thúc đẩy và tăng cường quá trình nhất thể hóa ở EU về các mặt kinh tế.

>Tăng thêm tiềm lực và khả năng cạnh tranh kinh tế của toàn khối.

>Việc EU sử dụng một đồng tiền chung, thông nhất có tác dụng thủ tiêu những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu chuyển vốn và đơn giản hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Tổng kết chủ đề, củng cố, dặn dò:**

**a. Tổng kết chủ đề:**

- GV nhận xét, đánh giá về việc thực hiện chủ đề: những ưu điểm và hạn chế chủ yếu cần rút kinh nghiệm.

**b. Củng cố, dặn dò:**

- GV củng cố, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của chủ đề thông qua sơ đồ hóa đã được chuẩn bị sẵn.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: chuẩn bị các nội dung ôn tập cuối HK I: Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức của HK I.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 17. ÔN TẬP CUỐI KỲ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Khái quát, hệ thống hóa và ôn tập các kiến thức đã học trong HK I, nhất là từ phần Địa lí khu vực và quốc gia đến hết HK I

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**Không kiểm tra.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được cấu trúc đề kiểm tra.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân để đặt câu hỏi đối với những nội dung chưa rõ hoặc chưa hiểu.

**I. Cấu trúc đề kiểm tra.**

**1. Phần trắc nghiệm khách quan (7,0 điểm = 28 câu)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số câu** |
| 1 | Hợp chúng quốc Hoa Kì | 18 |
| 2 | Liên minh Châu Âu (EU) | 10 |

**Lưu ý: phần kỹ năng được lồng ghép trong các nội dung nêu trên**

**2. Phần tự luận (3,0 điểm = 02 câu)**

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội và kinh tế của Hoa kì.

- Sự ra đời, phát triển; mục đích và thể chế; những thành tựu; vị thế của Liên minh Châu Âu (EU) trên thế giới.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu cấu trúc đề kiểm tra cuối kì. Yêu cầu HS rà soát lại kiến thức và đưa ra câu hỏi đối với những nội dung lí thuyết chưa nắm rõ hoặc chưa hiểu.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS đặt câu hỏi và yêu cầu các HS khác lắng nghe, trả lời, giải thích câu hỏi của bạn.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào hoạt động ôn tập.

**HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP**

**a) Mục tiêu:**HS hệ thống lại kiến thức đã được học.

**b) Nội dung:**HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để hệ thống hóa kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành việc hệ thống hóa kiến thức theo nội dung GV hướng dẫn:

|  |
| --- |
| **II. Nội dung ôn tập**  **1. Hợp chủng quốc Hoa Kì**  \* Đặc điểm tự nhiên,tài nguyên thiên nhiên và ảnh hưởng của chúng tới sự phát triển kinh tế - xã hội  Chia làm 3 vùng tự nhiên:  - Vùng phía Đông  - Vùng phía Tây  - Vùng trung tâm  \* Đặc điểm dân cư Hoa Kì  - Gia tăng dân số: DS đông, tăng nhanh, chủ yếu do nhập cư.  - Thành phần dân cư đa dạng và phức tạp  - Phân bố dân cư: Không đều  **\*** Đặc điểm kinh tế (quy mô nền kinh tế, đặc điểm phát triển các ngành kinh tế)  - Quy mô nền kinh tế (lớn nhất TG, nguyên nhân)  - Các ngành kinh tế:  + Công nghiệp.  + Nông nghiệp.  + Dịch vụ.  **2. Liên minh Châu Âu (EU)**  - Sự ra đời, phát triển.  - Mục đích và thể chế.  - Những thành tựu.  - Vị thế của Liên minh Châu Âu (EU) trên thế giới. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung kiến thức đã học bằng sơ đồ dưới sự hướng dẫn của GV và theo cấu trúc đề kiểm tra.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại và hệ thống hoá các kiến thức đã học.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi câu hỏi đại diện HS sẽ trả lời các HS khác nhận xét và bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Lãnh thổ Hoa Kì phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

**A.** xích đạo. **B.** nhiệt đới.

**C.**ôn đới. **D.** hàn đới.

**Câu 2:** Hiện nay ở Hoa Kì, người Anh điêng sống tập trung ở vùng

**A.**đồi núi phía Tây. **B.** đồi núi phía Đông.

**C.** đồng bằng phía Nam. **D.** đồi gò phía Bắc.

**Câu 3:** Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kì là

**A.**vùng Đông Bắc. **B.** vùng Đông Nam.

**C.** vùng trung tâm. **D.** vùng phía Tây.

**Câu 4:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ là sản phẩm của ngành

**A.** nôngnghiệp. **B.** thủysản.

**C.**công nghiệpchếbiến. **D.** công nghiệp khaikhoáng.

**Câu 5:** Dân số Hoa Kì tăng nhanh chủ yếu do

**A.**nhập cư. **B.** tỉ suất sinh cao.

**C.** gia tăng tự nhiên. **D.** tỉ suất tử thấp.

**Câu 6:** Cơ quan đầu não đứng đầu EU hiện nay là

**A.** Các ủy ban chính phủ. **B.** Hội đồng bộ trưởng.

**C.** Quốc hội Châu Âu. **D.**Hội đồng Châu Âu.

**Câu 7:** Đường hầm giao thông dưới biển Măng - sơ nối liền châu Âu lục địa với quốc gia nào sau đây?

**A.** Đức. **B.** Pháp.

**C.**Anh. **D.** Đan Mạch.

**Câu 8:** Quá trình mở rộng các nước thành viên EU chủ yếu hướng về

**A.** phía Tây. **B.**phía Đông.

**C.** phía Bắc. **D.** phía Nam.

**Câu 9:** Nhận định nào sau đây **không** đúng với EU?

**A.**Là một liên minh chủ yếu về an ninh và chính trị.

**B.** Liên minh ra đời trên cơ sở liên kết về kinh tế.

**C.** Số lượng thành viên của EU tính đến 2007 là 27.

**D.** Tổ chức liên kết khu vực có nhiều thành công nhất.

**Câu 10:** Ở Liên minh châu Âu (EU), một luật sư người I-ta-li-a có thể làm việc ở Béc - lin như một luật sư Đức là biểu hiện của

**A.**tự do di chuyển. **B.** tự do lưu thông tiền vốn.

**C.** tự do lưu thông dịch vụ. **D.** tự do lưu thông hàng hóa.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**HS vận dụng kiến thức, kỹ năng và năng lực đã được học và rèn luyện được để trả lời các câu hỏi gắn với các điều kiện cụ thể, mang tính chất liên hệ đối với Hoa Kỳ và EU

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:**Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN CỦA HOA KÌ QUA CÁC NĂM

*(Đơn vị: triệu người)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1800** | **1840** | **1880** | **1920** | **1960** | **2005** | **2015** |
| Số dân | 5 | 17 | 50 | 105 | 179 | 296,5 | 321,8 |

*(Nguồn tổng cục thống kê năm 2015)*

Biểu đồ nào hích hợp nhất thể hiện dân số của Hoa Kì trong giai đoạn 1800 - 2015?

**A.** Tròn. **B.** Miền. **C.** Đường. **D.**Cột.

**Câu 2:** Nhân tố nào sau đây có tính quyết định đến sự phân hóa lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Hoa Kì?

**A.**Đất đai và khí hậu. **B.** Khí hậu và giống cây.

**C.** Giống cây và thị trường. **D.** Thị trường và lao động.

**Câu 3:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| 2010 | 1852,3 | 2365,0 |
| 2012 | 2198,2 | 2763,8 |
| 2014 | 2375,3 | 2884,1 |
| 2015 | 2264,3 | 2786,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)*

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất nhập khẩu của Hoa Kì, giai đoạn 2010 - 2015?

**A.** Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

**B.**Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

**C.** Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.

**D.** Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng lên.

**Câu 4:** Giá nông sản của EU thấp hơn so với giá thị trường thế giới vì

**A.** EU đã hạn chế nhập khẩu nông sản. **B.** giá lao động nông nghiệp rẻ.

**C.** đầu tư nguồn vốn lớn cho nông nghiệp. **D.**trợ cấp cho hàng nông sản EU.

**Câu 5:** Ca-li-nin-grat là tỉnh nằm ngoài lãnh thổ Nga nhưng hết sức quan trọng vì

**A.**là điểm trung chuyển hàng hóa của Nga và EU.

**B.** là tỉnh giàu có về tài nguyên khoáng sản như dầu khí.

**C.** là tỉnh có đất đai phì nhiêu phát triển nông nghiệp.

**D.** là một trung tâm công nghiệp lớn của Liên Bang Nga.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

- GV nhấn mạnh những nội dung trọng tâm liên quan đến bài thi.

- Yêu cầu HS hoàn thành các bài tập đã ra.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Yêu cầu HS làm dàn ý, đề cương vào vở.

- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập.

- Ôn tập chuẩn bị kiểm tra.

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 18: KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hợp chủng quốc Hoa Kì.

- Liên minh Châu Âu (EU)

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: Tổng hợp kiến thức để giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Bút, thước kẻ, giấy nháp.

**2. Học liệu:** Đề kiểm tra, Atlat.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:**Không kiểm tra.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/Mức độ nhận thức** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Hợp chủng quốc Hoa Kì** | Biết các đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội và tình hình phát triển kinh tế của Hoa Kì. | Phân tích ảnh hưởng của tự nhiên, dân cư, xã hội đối với sự phát triển kinh tế Hoa Kì. | Giải thích được nguyên nhân phát triển kinh tế - xã hội Hoa Kì | Nhận xét, đánh giá tình hình phát triển các ngành kinh tế Hoa Kì. |
| 60% tổng số điểm = 6,0 điểm | Số câu = 05 TN  Số điểm = 1,25 | Số câu = 05 TN + 01 câu TL  Số điểm = 2,75 | Số câu = 05 TN  Số điểm = 1,25 | Số câu = 03 TN  Số điểm = 0,75 |
| **Liên minh Châu Âu** | Biết được sự ra đời, phát triển, mục đích và thể chế của Liên minh Châu Âu (EU). | Phân tích được vai trò, những thành tựu của Liên minh Châu Âu (EU). | Giải thích, đánh giá được vai trò, vị thế của Liên minh Châu Âu (EU) trên trường quốc tế. | Nhận xét, đánh giá được vai trò, vị trí, ý nghĩa của các hoạt động liên kết trong Liên minh Châu Âu (EU). |
| 40% tổng số điểm = 4,0 điểm | Số câu = 02 TN + 01 TL  Số điểm = 2,0 | Số câu = 02 TN  Số điểm = 0,5 | Số câu = 03 TN  Số điểm = 0,75 | Số câu = 03 TN  Số điểm = 0,75 |
| **Tổng số điểm: 10 điểm** | Số câu: 07 TN + 01 TL =  3,25 điểm (32,5% tổng số điểm) | Số câu: 07 TN + 01 TL =  3,25 điểm (32,5% tổng số điểm) | Số câu: 08 TN = 2,0 điểm (20% tổng số điểm) | Số câu: 06 TN =  1,5 điểm (15% tổng số điểm) |

**B. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ SỐ 01**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1:** Hoa Kì có diện tích lớn

**A.** thứ 2 thế giới. **B.**thứ 3 thế giới.

**C.** thứ 4 thế giới. **D.** thứ 5 thế giới.

**Câu 2:** Lãnh thổ Hoa Kì **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

**A.** Bắc Băng Dương. **B.** Đại Tây Dương.

**C.**Ấn Độ Dương. **D.** Thái Bình Dương.

**Câu 3:** Ha - oai là quần đảo nằm giữa Thái Bình Dương có tiềm năng lớn về

**A.** muối mỏ, hải sản. **B.**hải sản, du lịch.

**C.** kim cương, đồng. **D.** du lịch, than đá.

**Câu 4:** Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kì là

**A.**vùng Đông Bắc. **B.** vùng Đông Nam.

**C.** vùng trung tâm. **D.** vùng phía Tây.

**Câu 5:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ là sản phẩm của ngành

**A.** nôngnghiệp. **B.** thủysản.

**C.**công nghiệpchếbiến. **D.** công nghiệp khaikhoáng.

**Câu 6:** Dân cư thành thị của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở các thành phố có quy mô

**A.** lớn và cực lớn. **B.** lớn và vừa.

**C.**vừa và nhỏ. **D.** cực lớn.

**Câu 7:** Hệ thống sông có giá trị kinh tế và giao thông lớn nhất của Hoa Kì là

**A.**Mixixipi - Mitxuri. **B.** Côlôrađô.

**C.** Côlumbia. **D.** Xanh Lôrăng.

**Câu 8:** Về thiên tai, Hoa Kì được mệnh danh là

**A.**quê hương của vòi rồng. **B.** quê hương của bão.

**C.** quê hương của lũ lụt. **D.** quê hương của lở đất.

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kì?

**A.** Dân đông nhờ một phần lớn vào nhập cư.

**B.** Người châu Âu chiếm tỉ lệ lớn dân cư.

**C.**Chi phí đầu tư ban đầu cho nhập cư cao.

**D.** Nguồn nhập cư là nguồn lao động lớn.

**Câu 10:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nền nông nghiệp Hoa Kì?

**A.** Tính chuyên môn hóa cao.

**B.** Trình độ khoa học kĩ thuật cao.

**C.** Gắn với công nghiệp chế biến

**D.**Hợp tác xã là hình thức sản xuất chính.

**Câu 11:** Vùng “vành đai Mặt Trời” của Hoa Kì hiện nay là

**A.** Đông Bắc. **B.** Trung tâm.

**C.** Dọc biên giới Canađa. **D.**Tây và Nam.

**Câu 12:** Miền Đông Bắc Hoa Kì sớm trở thành cái nôi của ngành công nghiệp, chủ yếu do

**A.** nguồn dầu mỏ phong phú. **B.**giàu than, sắt và thủy năng.

**C.** đồng bằng diện tích rộng lớn. **D.** có nhiều kim loại quý hiếm.

**Câu 13:** Tính chuyên môn hoá trong sản xuất nông nghiệp của Hoa Kì được thể hiện ở đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Chỉ sản xuất những sản phẩm có thế mạnh.

**B.** Chỉ sản xuất một loại nông sản nhất định.

**C.** Sản xuất sản nông sản phục vụ nhu cầu trong nước.

**D.**Hình thành nên các vùng chuyên canh.

**Câu 14:** Nhận xét nào dưới đây **không** thể hiện đúng sự thay đổi cơ cấu nông nghiệp của Hoa Kỳ?

**A.** Tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.

**B.** Giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông.

**C.**Hình thức sản xuất chủ yếu là trang trại.

**D.** Đa dạng hóa nông sản trên một diện tích lãnh thổ.

**Câu 15:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho GDP của Hoa Kì tăng nhanh là do

**A.**sức mua của người dân rất lớn.

**B.** nền kinh tế có tính năng động.

**C.** chủ yếu dựa vào ngành dịch vụ hiện đại.

**D.** hướng ra xuất khẩu sản phầm công nghiệp.

**Câu 16:** Nhân tố nào sau đây có tính quyết định đến sự phân hóa lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Hoa Kì?

**A.**Đất đai và khí hậu. **B.** Khí hậu và giống cây.

**C.** Giống cây và thị trường. **D.** Thị trường và lao động.

**Câu 17:** Thời tiết của Hoa Kì thường bị biến động mạnh, nhất là phần trung tâm là do

**A.** nằm chủ yếu ở vành đai cận nhiệt và ôn đới.

**B.** giáp với Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

**C.** ảnh hưởng của dòng biển nóng Gonxtrim.

**D.**địa hình vùng trung tâm có dạng lòng máng.

**Câu 18:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: tỉ USD)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| 2010 | 1852,3 | 2365,0 |
| 2012 | 2198,2 | 2763,8 |
| 2014 | 2375,3 | 2884,1 |
| 2015 | 2264,3 | 2786,3 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất nhập khẩu của Hoa Kì, giai đoạn 2010 - 2015?

**A.**Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

**B.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

**C.** Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.

**D.** Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng lên.

**Câu 19:** Cơ quan đầu não đứng đầu EU hiện nay là

**A.** Các ủy ban chính phủ. **B.** Hội đồng bộ trưởng.

**C.** Quốc hội Châu Âu. **D.**Hội đồng Châu Âu.

**Câu 20:** Những quốc gia nào có vai trò sáng lập EU?

**A.** Italia, Pháp, Phần Lan, Đức, Thụy Điển.

**B.**Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lucxambua.

**C.** Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

**D.** Đức, Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Phần Lan, Bỉ.

**Câu 21:** Quá trình mở rộng các nước thành viên EU chủ yếu hướng về

**A.** phía Tây. **B.**phía Đông.

**C.** phía Bắc. **D.** phía Nam.

**Câu 22:** Nhận định nào sau đây **không** đúng với EU?

**A.**Là một liên minh chủ yếu về an ninh và chính trị.

**B.** Liên minh ra đời trên cơ sở liên kết về kinh tế.

**C.** Số lượng thành viên của EU tính đến 2007 là 27.

**D.** Tổ chức liên kết khu vực có nhiều thành công nhất.

**Câu 23:** Phát triển liên kết vùng ở châu Âu **không** nhằm chủ yếu vào việc thực hiện các hoạt động hợp tác, liên kết về

**A.** xã hội. **B.** văn hóa.

**C.**chính trị. **D.** kinh tế.

**Câu 24:** Ý nghĩa lớn nhất của việc đưa đồng Ơ - rô vào sử dụng chung trong Liên minh châu Âu là

**A.** thủ tiêu những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

**B.** tạo thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU.

**C.**nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.

**D.** đơn giản hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp.

**Câu 25:** Tự do lưu thông tiền vốn trong EU **không** phải là việc

**A.** bãi bỏ các rào cản đối với giao dịch thanh toán.

**B.** các nhà đầu tư có thể chọn nơi đầu tư có lợi nhất.

**C.** nhà đầu tư mở tài khoản tại các nước EU khác.

**D.**bỏ thuế giá trị gia tăng hàng hóa của mỗi nước.

**Câu 26:** Giá nông sản của EU thấp hơn so với giá thị trường thế giới vì

**A.** EU đã hạn chế nhập khẩu nông sản.

**B.** giá lao động nông nghiệp rẻ.

**C.** đầu tư nguồn vốn lớn cho nông nghiệp.

**D.**trợ cấp cho hàng nông sản EU.

**Câu 27:** Hoạt động nào sau đây **không** thực hiện trong liên kết vùng Châu Âu?

**A.** Tự do đi sang nước láng giềng làm việc.

**B.** Xuất bản tạp chí chung với nhiều thứ tiếng.

**C.** Phối hợp tổ chức khóa đào tạo chung.

**D.**Tổ chức chung các hoạt động chính trị.

**Câu 28:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với mục đích của EU?

**A.** Xây dựng, phát triển một khu vực tự do lưu thông hàng hóa, dịch vụ.

**B.** Xây dựng, phát triển một khu vực tự do lưu thông con người, tiền vốn.

**C.** Xây dựng, phát triển một khu vực liên kết kinh tế, luật pháp.

**D.**Xây dựng, phát triển một khu vực có sức mạnh kinh tế, quân sự.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm):** Dân nhập cư có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Hoa Kì?

**Câu 2 (1,5 điểm):** Liên minh Châu Âu (EU) thực hiện tự do lưu thông trong những lĩnh vực nào? Chứng minh EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

**ĐỀ SỐ 02**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1:** Lãnh thổ Hoa Kì phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

**A.** xích đạo. **B.** nhiệt đới.

**C.**ôn đới. **D.** hàn đới.

**Câu 2:** Hiện nay ở Hoa Kì, người Anh điêng sống tập trung ở vùng

**A.**đồi núi phía Tây. **B.** đồi núi phía Đông.

**C.** đồng bằng phía Nam. **D.** đồi gò phía Bắc.

**Câu 3:** Dân cư Hoa Kì có nguồn gốc chủ yếu từ

**A.**Châu Âu. **B.** Châu Phi.

**C.** Châu Á. **D.** Mĩ La tinh.

**Câu 4:** Các cao nguyên và bồn địa ở vùng núi phía tây phần lãnh thổ Hoa Kì ở trung tâm Bắc Mĩ có kiểu khí hậu là

**A.** cận nhiệt đới và hoang mạc.

**B.** cận nhiệt đới và bán hoang mạc.

**C.** cận nhiệt đới và ôn đới hải dương.

**D.**hoang mạc và bán hoang mạc.

**Câu 5:** Địa hình chủ yếu của vùng Trung tâm Hoa Kỳ là

**A.** cao nguyên thấp và đồi gò thấp.

**B.** cao nguyên cao và đồi gò thấp.

**C.** đồng bằng lớn và cao nguyên thấp.

**D.**đồng bằng lớn và đồi gò thấp.

**Câu 6:** Khu vực có nhiều người châu Á sinh sống nhiều nhất hiện nay ở Hoa Kì là

**A.**Ven Thái Bình Dương. **B.** Ven Đại Tây Dương

**C.** Ven Vịnh Mêhicô. **D.** Trong nội địa

**Câu 7:** Loại hình giao thông vận tải có tốc độ phát triển nhanh nhất ở Hoa Kì hiện nay là

**A.** đường bộ. **B.** đường biển.

**C.**đường hàng không. **D.** đường sông hồ.

**Câu 8:** Các ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kì tập trung chủ yếu ở

**A.** vùng Phía Tây. **B.**vùng Đông Bắc.

**C.** vùng phía Nam. **D.** vùng Nội địa.

**Câu 9:** Dân số Hoa Kì tăng nhanh chủ yếu do

**A.**nhập cư. **B.** tỉ suất sinh cao.

**C.** gia tăng tự nhiên. **D.** tỉ suất tử thấp.

**Câu 10:** Về tự nhiên, Alatxca của Hoa Kỳ **không** có đặc điểm chung nhất là

**A.** Là bán đảo rộnglớn.

**B.** Địa hình chủ yếu là đồinúi

**C.**Khí hậu ôn đới hảidương.

**D.** Nhiềudầu mỏ và khí tựnhiên.

**Câu 11:** Thế mạnh về thủy điện của Hoa Kì tập trung chủ yếu ở vùng nào?

**A.**Vùng phía Tây và vùng phía Đông.

**B.** Vùng phía Đông và vùng trung tâm.

**C.** Vùng trung tâm và bán đảo Alaxca.

**D.** Bán đảo Alaxca và quần đảo Haoai.

**Câu 12:** Dân cư Hoa Kì đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng Đông Bắc đến phía Nam và ven Thái Bình Dương chủ yếu do

**A.** Đông Bắc kinh tế chậm phát triển.

**B.** Đông Bắc có khí hậu khắc nghiệt.

**C.** chủ trương di dân của nhà nước.

**D.**sản xuất công nghiệp được mở rộng.

**Câu 13:** Đặc điểm nổi bật trong phân bố dân cư Hoa Kì là

**A.** mật độ dân số chung vào loại thấp.

**B.** phân bố dân cư không đều giữa các vùng.

**C.**phân bố dân cư tương đối năng động.

**D.** tỉ lệ dân thành thị thấp.

**Câu 14:** Đặc điểm chủ yếu của ngành Công nghiệp Hoa Kì hiện nay

**A.**là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.

**B.** là ngành tạo nên sức mạnh cho nền kinh tế Hoa Kì.

**C.** tỉ trọng trong GDP có xu hướng tăng lên.

**D.** khai thác là ngành có giá trị cao nhất trong cơ cấu công nghiệp.

**Câu 15:** Hiện nay, nền nông nghiệp Hoa Kì **không** có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Có trình độ khoa học kỹ thuật cao.

**B.**Đồn điền là hình thức sản xuất chủ yếu.

**C.** Có tính chuyên môn hoá cao.

**D.** Gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

**Câu 16:** Ngành nào sau đây hoạt động khắp thế giới, tạo ra nguồn thu lớn và nhiều lợi thế cho nền kinh tế của Hoa Kì hiện nay?

**A.**Ngân hàng và tài chính. **B.** Du lịch và thương mại.

**C.** Hàng không và viễn thông. **D.** Vận tải biển và du lịch.

**Câu 17:** Hoa Kì là nước xuất khẩu nông sản đứng đầu thế giới chủ yếu do

**A.** điều kiện tự nhiên đa dạng, sản xuất gắn liền với công nghiệp chế biến.

**B.**điều kiện tự nhiên thuận lợi, sản xuất gắn liền với thị trường tiêu thụ.

**C.** điện kiện dân cư lao động thuận lợi, công nghiệp chế biến phát triển.

**D.** đường lối chính sách thuận lợi, trình độ cơ giới hóa cao.

**Câu 18:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: tỉ USD)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| 2010 | 1852,3 | 2365,0 |
| 2012 | 2198,2 | 2763,8 |
| 2014 | 2375,3 | 2884,1 |
| 2015 | 2264,3 | 2786,3 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất nhập khẩu của Hoa Kì, giai đoạn 2010 - 2015?

**A.**Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

**B.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

**C.** Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.

**D.** Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng lên.

**Câu 19:** Nhận định nào dưới đây **không** đúng với ngành dịch vụ của Hoa Kì hiện nay?

**A.** Dịch vụ là sức mạnh của nền kinh tế Hoa Kì.

**B.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

**C.** Hoạt động dịch vụ rất đa dạng.

**D.**Hoạt động dịch vụ chủ yếu là du lịch.

**Câu 20:** Cơ quan có vai trò quan trọng trong các quyết định của EU là

**A.**Hội đồng Châu Âu. **B.** Cơ quan kiểm toán

**C.** Nghị viện Châu Âu. **D.** Tòa án Châu Âu.

**Câu 21:** Trong thị trường chung châu Âu được tự do lưu thông về

**A.** con người, hàng hóa, cư trú, dịch vụ.

**B.**dịch vụ, hàng hóa, tiền vốn, con người.

**C.** dịch vụ, tiền vốn, chọn nơi làm việc.

**D.** tiền vốn, con người, dịch vụ, cư trú.

**Câu 22:** Nhận xét nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của liên kết vùng?

**A.** Người dân được lựa chọn quốc gia trong vùng để làm việc.

**B.** Người dân được nhận thông tin báo chí bằng ngôn ngữ của mỗi nước.

**C.** Sinh viên các nước trong vùng có thể theo học những khóa đào tạo chung.

**D.**Các con đường xuyên biên giới không được xây dựng.

**Câu 23:** Việc sử dụng đồng Ơ - rô **không** mang lại lợi ích nào sau đây cho EU?

**A.** Nâng cao sức cạnh tranh thị trường chung châu Âu.

**B.** Thủ tiêu những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

**C.** Thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU.

**D.**Thu hẹp trình độ phát triển kinh tế giữa các nước thành viên.

**Câu 24:** Ở Liên minh châu Âu (EU), một luật sư người I - ta - li - a có thể làm việc ở Béc - lin như một luật sư Đức là biểu hiện của

**A.**tự do di chuyển. **B.** tự do lưu thông tiền vốn.

**C.** tự do lưu thông dịch vụ. **D.** tự do lưu thông hàng hóa.

**Câu 25:** Một chiếc máy bay do Pháp sản xuất khi xuất khẩu sang Hà Lan

**A.** cần giấy phép của chính phủ Hà Lan.

**B.** phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.

**C.**không phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.

**D.** thực hiện chính sách thương mại riêng ở Hà Lan.

**Câu 26:** Nguyên nhân nào sau đây là đúng nhất trong việc phát triển các liên kết vùng?

**A.** Thực hiện chung các dự án về giáo dục.

**B.** Thực hiện chung các dự án về văn hóa.

**C.**Tận dụng những lợi thế riêng của mỗi nước.

**D.** Tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa các nước.

**Câu 27:** Liên kết vùng Ma - xơ Rai - nơ hình thành tại khu vực biên giới của các nước

**A.**Hà Lan, Bỉ, Đức. **B.** Hà Lan, Pháp, Áo.

**C.** Bỉ, Pháp, Đan Mạch. **D.** Đức, Hà Lan, Pháp.

**Câu 28:** Đường hầm giao thông dưới biển Măng - sơ nối liền châu Âu lục địa với quốc gia nào sau đây?

**A.** Đức. **B.** Pháp.

**C.**Anh. **D.** Đan Mạch.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm):**Chứng minh dân cư Hoa Kì có nhiều dân tộc và có tính năng động cao.

**Câu 2 (1,5 điểm):** Liên minh Châu Âu (EU) thực hiện tự do lưu thông trong những lĩnh vực nào? Chứng minh EU là trung tâm thương mại hàng đầu thế giới.

**C. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ SỐ 01**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| ĐA | B | C | B | A | C | C | A | A | C | D | D | B | D | C |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| ĐA | A | A | D | A | D | B | B | A | C | C | D | D | D | D |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1** | **\* Thuận lợi:**  + Người nhập cư đã đem lại cho Hoa Kì nguồn tri thức cao.  + Mang đến nguồn vốn lớn.  + Mang đến lực lượng lao động lớn, chất lượng.  + Văn hóa, kinh nghiệm sản xuất đa dạng, năng động…  **\* Khó khăn:**  Giải quyết việc làm, chỗ ở, chi phí cho các phúc lợi xã hội khác. Khó khăn trong việc quản lí, bảo đảm an ninh trật tự xã hội… | **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25  **0,5** |
| **2** | **\* Tự do lưu thông:**  - Tự do di chuyển.  - Tự do lưu thông dịch vụ.  - Tự do lưu thông hàng hóa.  - Tự do lưu thông tiền vốn.  (Cho 0,25 điểm/02 ý đúng)  **\* EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới:**  - EU là 1 trong 3 trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.  - Đứng hàng đầu thế giới về GDP.  - Chiếm tỉ lệ diện tích và dân số nhỏ nhưng lại chiếm tỉ trọng GDP lớn.  - Nhiều ngành kinh tế phát triển hàng đầu thế giới. | **0,5**  **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**ĐỀ SỐ 02**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| ĐA | C | A | A | D | D | A | C | B | A | C | A | D | C | A |
| **Câu** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** |
| ĐA | B | A | B | A | D | A | B | D | D | A | C | C | A | C |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1** | **\* Nhiều dân tộc:** Người Anh Điêng, người da trắng, người da đen, người da vàng và con lai.  **\* Năng động:**  - Hoa Kì là đất nước của những người nhập cư nên nguồn lao động có trình độ cao và giàu kinh nghiệm.  - Hiện nay dân cư đang có xu hướng di chuyển từ bắc xuống nam và từ đông sang tây phù hợp với quá trình khai thác lãnh thổ và xu hướng chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ nền kinh tế.  - Dân cư chủ yếu sống ở thành thị nhưng chủ yếu sống ở các đô thị vừa và nhỏ nên hạn chế được những mặt tiêu cực của đô thị hóa.  - Nguồn lao động chất lượng, tư duy sáng tạo, dám nghĩ dám làm… | **0,5**  **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **1** | **\* Tự do lưu thông:**  - Tự do di chuyển.  - Tự do lưu thông dịch vụ.  - Tự do lưu thông hàng hóa.  - Tự do lưu thông tiền vốn.  (Cho 0,25 điểm/02 ý đúng)  **\* EU là trung tâm thương mại hàng đầu thế giới:**  - Là trung tâm thương mại lớn hàng đầu thế giới.  - Chiếm khoảng 37% giá trị xuất khẩu toàn thế giới.  - Tỉ trọng xuất khẩu và nhập khẩu của EU luôn cao nhất trong tổng của thế giới.  - Thị trường xuất, nhập khẩu rộng lớn. | **0,5**  **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**3.4. Nhận xét, đánh giá:**

- GV: Nhận xét, đánh giá tiết kiểm tra.

- Rút kinh nghiệm

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Chuẩn bị các nội dung học kì II.